**BÀI 1: THẾ GIỚI KÌ ẢO**

Thời gian thực hiện: 13 tiết

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 1: Thế giới kì ảo** | **13 tiết** |
| ĐỌC | ***9*** |
| *-* Đọc VB1: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  - Thực hành tiếng Việt: Điển tích, điển cố  - Đọc VB2: *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)  - Thực hành tiếng Việt: Một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn và cách phân biệt  - Đọc VB3: *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (trích, Nguyễn Nhược Pháp) | 3  1  2  1  2 |
| VIẾT**:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) | ***3*** |
| NÓI VÀ NGHE: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) | ***1*** |
| CỦNG CỐ MỞ RỘNG  THỰC HÀNH ĐỌC**:** VB *Ngọc nữ về tay chân chủ* (Khuyết danh) |  |

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1.Năng lực

Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học:

- Nhận biết được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.

- Nhận biết được điển cố, điển tích và phân tích được tác dụng của chúng; nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.

**-** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên); trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

**-** Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

2. Phẩm chất

Trung thực trong các mối quan hệ ứng xử; yêu quý, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

B.THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video…

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, máy tính

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**Tiết 1**:**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**Hoàng Kim ngân 0705965222 thcs đa phúc- hải phòng hieungan2010@gmail.com

1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi: Nhìn tranh đoán chi tiết (Thi giữa các đội)**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu**: Những hình ảnh sau có thể gợi cho em liên tưởng đến những chi tiết nào, ở tác phẩm truyện nào đã học?

|  |  |
| --- | --- |
|  | Truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh - Kings Island Golf Resort |
| **Hình 1** | **Hình 2** |
| Truyện cổ tích Thạch Sanh | Sau khi đánh đuổi giặc Ân, gióng đã làm gì? Xem Bài Đọc T |
| **Hình 3** | **Hình 4** |

? Em hãy rút ra điểm giống nhau của các chi tiết truyện trên.

Nêu ý nghĩa của một chi tiết mà em ấn tượng nhất.

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS tham gia trò chơi; nêu suy nghĩ và trả lời cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Dự kiến sản phẩm của HS:**

**\*Các hình ảnh gợi liên tưởng đến những chi tiết trong các tác phẩm truyện đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| Hình 1 | Chi tiết những điều ước của em bé bán diêm biến thành hiện thực trong giây lát, rồi nhanh chóng tan biến trong truyện cổ tích “Em bé bán diêm” (An-đéc-xen) |
| Hình 2 | Chi tiết Sơn Tinhbốc từng quả đồi dời từng dãy núi ngăn chặn dòng nước lũ, nước dâng cao bao nhiêu núi dâng cao bấy nhiêu trong truyện truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh”. |
| Hình 3 | Chi tiết Thạch Sanh giết chết chằn tinh trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”. |
| Hình 4 | Chi tiết Thánh Gióng bay về trời sau khi đánh xong giặc Ân trong truyền thuyết “Thánh Gióng”. |

**\***Các chi tiết trên đều là các chi tiết kì ảo, không có thật, góp phần làm cho cốt truyện thêm li kì, hấp dẫn; gửi gắm quan điểm, thái độ của nhân dân dành cho những nhân vật.

HS chia sẻ suy nghĩ về ý nghĩa của một chi tiết kì ảo.

**Ví dụ:** Chi tiết Gióng đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt để lại và bay thẳng lên trời.

- Gióng cũng như chính nhân dân, đánh giặc vì lòng yêu nước, căm thù giặc, sẵn sàng hi sinh thân mình mà không đòi hỏi được khen thưởng hay ban cho danh lợi.

- Chi tiết này còn có ý nghĩa bất tử hóa hình tượng Thánh Gióng.

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

**GV giới thiệu bài mới**: *Trong kho tàng văn học dân gian của dân tộc, các em đã có dịp tìm hiểu nhiều tác phẩm truyện cổ tích, truyền thuyết chứa đựng những yếu tố hoang đường, kì ảo. Những chi tiết kì ảo, hoang đường đó xuất phát từ trí tưởng tượng phong phú, bay bổng của các tác giả dân gian đã sáng tạo ra một thế giới mới mẻ, lạ lùng, làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm... Đến với thể loại truyện truyền kì trong bài học 1 này, các em sẽ có dịp tìm hiểu thế giới kì ảo với những câu chuyện li kì gắn với các yếu tố hoang đường, kì ảo để người đọc thấy được sự sáng tạo không giới hạn của các nhà văn.*

2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**2.1. Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung chủ đề và thể loại văn bản của bài học; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về bài học.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Định hướng chung cho HS về chủ đề và thể loại chính của bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học* (SGK/tr 8), lời đề từ và đọc lướt qua nội dung các phần của bài học 1, cho biết:  + *Chủ đề bài học 1 “Thế giới kì ảo” gồm những văn bản đọc nào?*  *+ Các VB đọc chính thuộc thể loại gì?*  *+ VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *+ Vì sao các VB đọc lại cùng xếp chung vào bài học 1?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **\*Chủ đề bài học:** Tìm hiểu thế giới kì ảo trong tác phẩm văn học qua sự sáng tạo của các tác giả.  **\*Thể loại:**  **- VB đọc chính:**  + Đọc VB1: *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)  + Đọc VB2: *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)  => 02 VB đọc chính đều thuộc thể loại truyện truyền kì.  **- VB đọc kết nối chủ điểm:** bài thơ *Sơn Tinh – Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp) => là tác phẩm kể lại bằng thơ một truyền thuyết khá quen thuộc (truyền thuyết *Sơn Tinh – Thủy Tinh*)  **\*** Cả 2 VB đọc chính và văn bản đọc kết nối chủ điểm đều thể hiện những sáng tạo văn học đặc sắc. |

**2.2. Hoạt động 2.2: Khám phá Tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện truyền kì.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, thảo luận nhóm để tìm hiểu về truyện truyền kì.

**c. Sản phẩm:** PHT của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 01: Tìm hiểu thể loại truyện truyền kì**  **(Chuẩn bị ở nhà)** | | |
| **STT** | **Đặc điểm** | **Trả lời** |
| 1 | Thời kì ra đời, phát triển | .................... |
| 2 | Vai trò của yếu tố kì ảo | .................... |
| 3 | Cốt truyện | .................... |
| 4 | Nhân vật | .................... |
| 5 | Không gian và thời gian | .................... |
| 6 | Ngôn ngữ | .................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn về truyện truyền kì**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Trao đổi theo cặp đôi: Hoàn thành **Phiếu học tập 01**. Tìm hiểu về truyện truyền kì.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.  - HS thảo luận cặp đôi, hoàn thiện PHT số 01 đã chuẩn bị ở nhà.  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS dựa vào phiếu học tập đã thống nhất để trả lời.  - Các cặp đôi khác bổ sung.  **Bước 4:** **Kết luận, nhận định**  **GV mở rộng:**  Truyện Truyền kì thường kể về những câu chuyện kì lạ, sử dụng nhiều yếu tố kì ảo và xây dựng các nhân vật có hành trạng khác thường. Các tác giả trung đại Việt Nam đã sử dụng một cách sáng tạo thể truyền kì để phản ánh những vấn đề thiết yếu của con người, thời đại. Tiêu biểu như: *Truyền kì mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Thánh tông di thảo* (Lê Thánh Tông), *Truyền kì tân phả* (Đoàn Thị Điểm), *Lan Trì kiến văn lục* (Vũ Trinh),… | **Tri thức Ngữ văn**  **Phiếu học tập 01: Tìm hiểu thể loại truyện truyền kì**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Đặc điểm** | **Trả lời** | | 1 | Thời kì ra đời | Phát triển mạnh mẽ từ thời **trung đại.** | | 2 | Vai trò của yếu tố kì ảo | - Là **phương thức nghệ thuật** để phản ánh cuộc sống.  - Truyền tải những vấn đề cốt lõi của hiện thực và quan niệm, thái độ của tác giả. | | 3 | Cốt truyện | - Mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử; mượn từ truyện truyền kì Trung Quốc.  - Được tổ chức chủ yếu dựa trên **chuỗi sự kiện** sắp xếp theo **trật tự tuyến tính**, có quan hệ nhân quả. | | 4 | Nhân vật | - Nổi bật nhất là ba nhóm: thần tiên, người trần, yêu quái.  - Đặc điểm nhân vật: thường có những **nét kì lạ** về nguồn gốc ra đời, ngoại hình hay năng lực siêu nhân. | | 5 | Không gian và thời gian | - Không gian: **pha trộn** cõi trần, cõi âm, cõi tiên tồn tại **liên thông** với nhau.  - Thời gian: **kết hợp** thời gian thực và thời gian kì ảo. | | 6 | Ngôn ngữ | Sử dụng nhiều điển cố, điển tích. | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung:** Củng cố kiến thức qua câu hỏi trắc nghiệm

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm sau:

**Câu 1.**Nhận định nào sau đây nói đúng về truyện truyền kì?

A. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn có thật

B. Là những truyện kể có sự đan xen giữa những yếu tố có thật và yếu tố hoang đường

C. Là những truyện kể về các sự việc hoàn toàn do tác giả tưởng tượng ra.

D. Là những truyện kể về các nhân vật lịch sử.

**Câu 2.** Dòng nào **không** đúng khi nói về yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì?

A. Là phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống

B. Là các yếu tố hoàn toàn được các tác giả lấy từ văn học dân gian

C. Yếu tố kì ảo đan xen linh hoạt với yếu tố hiện thực

D. Gửi gắm quan niệm và thái độ của tác giả

**Câu 3.** Ý nào nêu **không** đúng đặc điểm cốt truyện của truyện truyền kì?

A. Gồm chuỗi các sự kiện được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có quan hệ nhân quả.

B. Có khi mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử; có khi mượn từ truyện truyền kì Trung Quốc.

C. Gồm chuỗi các sự kiện được sắp xếp theo trình tự tuyến tính.

D. Bao gồm chuỗi các sự kiện được sắp xếp theo trình tự đảo lộn thời gian.

**Câu 4.** Không gian trong truyện truyền kì có gì đặc biệt?

A. Là không gian vũ trụ nguyên sơ, thường chia làm 3 cõi: trời – đất - nước

B. Là không gian cộng đồng, bao gồm: KG thiên nhiên, KG xã hội

C. Là không gian có sự pha trộn giữa cõi trần, cõi âm, cõi tiên.

D. Là không gian cõi trần, cõi âm, cõi tiên tồn tại tách biệt nhau.

**Câu 5**. Dòng nào nêu đúng đặc điểm nhân vật trong truyện truyền kì?

A. Là những vị thần có hình dạng và hành động phi thường, có khả năng biến hoá khôn lường.

B. Là những người anh hùng có sức mạnh, tài năng, phẩm chất và vẻ đẹp phi thường, dũng cảm, xả thân vì cộng đồng, tiêu biểu cho vẻ đẹp cộng đồng.

C. Là những người bình thường, thường có số phận bất hạnh

D. Thường có những nét kì lạ về nguồn gốc ra đời, ngoại hình hay năng lực siêu nhân.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**: HS củng cố kiến thức trong bài học, vận dụng để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu về đặc điểm của một truyện truyền kì cụ thể.

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Tìm đọc một truyện truyền kì, sau đó hoàn thành Phiếu học tập sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 02: Tìm hiểu truyện truyền kì “...................” (tác giả........)** | |
| 1. Tóm tắt cốt truyện | ....................... |
| 2. Nhân vật chính là ai, có những đặc điểm gì nổi bật?  (nguồn gốc xuất thân, ngoại hình, hành động tiêu biểu, tính cách,...)  Nhân vật phụ | ...................... |
| 3. Không gian (cõi trần, cõi tiên, cõi âm)  Thời gian (thời gian thực, thời gian kì ảo) | ...................... |
| 4. Một số yếu tố kì ảo đặc sắc trong truyện | ...................... |

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS chọn tác phẩm truyện và hoàn thành phiếu học tập.

- GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi đại diện một số HS báo cáo sản phẩm học tập (tiết sau).

- Các HS khác nhận xét, bổ sung**.**

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Tự hệ thống lại các đơn vị kiến thức về thể loại truyện truyền kì.

- Nghiên cứu các VB truyện truyền kì trong SGK.

RÚT KINH NGHIỆM

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 2,3: Đọc hiểu văn bản:**

**VĂN BẢN 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**(NAM XƯƠNG NỮ TỬ TRUYỆN)**

**(NGUYỄN DỮ)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

- HS nhận biết được một số yếu tố như: không gian, thời gian, chi tiết truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong tác phẩm truyện truyền kì “Chuyện người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ)

- HS nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.

- HS nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm.

*2. Phẩm chất*

**-** Biết yêu quý, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

- Biết đồng cảm với số phận bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ.

- Biết lên án, phê phán chiến tranh phi nghĩa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1.Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu: Sưu tầm tác phẩm “Truyền kì mạn lục" (bản dịch của Ngô Văn Triện); sưu tầm ảnh đền thờ Vũ Nương bên sông Hoàng Giang; chân dung Nguyễn Dữ; tham khảo các tư liệu có liên quan.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc

**2. Học sinh**

- Đọc tài liệu có liên quan đến tác phẩm

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**1. Trò chơi “Thả thơ”**

**Yêu cầu:** HS điền từ còn thiếu vào những chỗ “...” trong những câu thơ sau:

1. “*Đau đớn thay phận.....*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*”

(*Truyện Kiều*, Nguyễn Du)

1. *Thân em như tấm lụa đào*

*... giữa chợ biết vào tay ai.*

(Ca dao)

1. “*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*

*Bảy nổi ba chìm với nước non*

*Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn*

*Mà em vẫn giữ ...*”

(*Bánh trôi nước*, Hồ Xuân Hương)

1. “Thuở trời đất nổi cơn gió bụi

Khách ...nhiều nỗi truân chuyên

Xanh kia thăm thẳm từng trên

Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.”

(Chinh phụ ngâm, Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm)

2. Qua những câu thơ trên, em có cảm nhận như thế nào về thân phận người phụ nữ trong thời phong kiến?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân, giơ tay trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Dự kiến sản phẩm:**

1. Điền từ trống:

a. *đàn bà*

b. *Phất phơ*

c. *tấm lòng son*

d. *má hồng*

2.Thân phận người phụ nữ đầy đau khổ, bất hạnh, chịu nhiều áp bức, bất công.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**GV dẫn vào bài mới:**

Bước sang thế kỉ XVI, chế độ phong kiến Việt Nam bộc lộ nhiều dấu hiệu khủng hoảng dẫn đến nội chiến và đất nước bị chia cắt. Sống trong hoàn cảnh đất nước loạn li, thân phận con người càng bị rẻ rúng, đời sống nhân dân lầm than.

Sống trong thời đại rối ren đó, nhà văn Nguyễn Dữ đã mượn yếu tố hoang đường, mượn truyện xưa để phản ánh hiện thực xã hội đương thời và bày tỏ niềm cảm thương với số phận của con người, đặc biệt là người phụ nữ. Tác phẩm truyện truyền kì “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Dữ trích trong tập “Truyền kì mạn lục” đã thể hiện cảm quan hiện thực và nhân đạo sâu sắc của nhà văn.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THpỨC

**Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được những nét chung về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”.

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, HS trao đổi theo cặp, hoàn thiện bảng kiến thức sau vào trong vở:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Nguyễn Dữ** | Quê hương  ... | Thời đại – Cuộc đời  ... | Đóng góp văn học  ... | | **Tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*** | Thể loại  ... | Xuất xứ  ... | Nội dung chính  ... |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp, hoàn thiện bảng kiến thức  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm:**  - GV yêu cầu HS thảo luận và trình bày theo hình thức **“Cặp đôi hoàn hảo”.**  - Cách thực hiện: Trình bày kết quả đã chuẩn bị theo hình thức một học sinh hỏi, một học sinh thực hiện trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  **GV mở rộng:** Tập Truyền kì mạn lục (Ghi chép tùy hứng những chuyện kì lạ)  - Tập truyện được sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỉ XVI theo thể loại truyền kì.  - Tác phẩm gồm 20 truyện, được viết bằng chữ Hán với hình thức văn xuôi xen lẫn thơ, ca, từ, biền văn; cuối mỗi truyện đều có lời bình.  - *Truyền kì mạn lục* phong phú về đề tài, có giá trị tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc, được đánh giá là đỉnh cao của thể loại truyền kì Việt Nam thời trung đại, được Vũ Khâm Lân (thế kỉ XVII) khen là “thiên cổ kì bút”, được dịch ra và nghiên cứu ở nhiều nước. | I. TÌM HIỂU CHUNG   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Nguyễn Dữ** | Quê Hải Dương | - Sống ở thế kỉ XVI  - Là người học rộng tài cao nhưng chỉ làm quan một thời gian ngắn rồi về quê ẩn dật. | Có đóng góp quan trọng ở thể loại truyện truyền kì. | | **Tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*** | Truyện truyền kì | Là truyện thứ 16 trong 20 truyện của tập “Truyền kì mạn lục” – áng “thiên cổ kì bút” | - Niềm xót xa, thương cảm đối với số phận người phụ nữ trong XHPK;  - Tấm lòng trân trọng, nâng niu những phẩm chất đẹp đẽ của họ. | |

**Nhiệm vụ 2. Đọc – khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

**-** Học sinh nhận biết cốt truyện, không gian, thời gian, chi tiết truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong tác phẩm.

- HS phân tích được vẻ đẹp nhân vật Vũ Nương và số phận của nàng; phân tích những chi tiết tiêu biểu trong truyện.

**b. Nội dung hoạt động**: thảo luận nhóm, cặp đôi, suy nghĩ cá nhân.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **2.1. GV hướng dẫn HS đọc VB**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: Chú ý phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.  + Lời của người kể chuyện: đọc với giọng đọc nhẹ nhàng, khách quan.  + Lời của nhân vật: chú ý về ngữ điệu, giọng điệu phù hợp với tính cách, suy nghĩ của từng nhân vật.  - GV mời 1 số HS đọc diễn cảm một đoạn mà HS thích nhất.  - GV nhắc HS sử dụng chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *theo dõi, dự đoán, đối chiếu, suy luận.*  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **III. ĐỌC – KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  - Đọc  - Tìm hiểu các chú thích |
| **2.2. Hướng dẫn HS xác định cốt truyện và bố cục**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu HS làm việc cá nhân trong 05 phút:**  **-** HS sắp xếp các sự kiện trong bảng sau theo tiến trình của câu chuyện.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Sự việc** | **Trình tự** | | **1** | Giới thiệu nhân vật: Vũ Nương, quê Nam Xương, vừa đẹp người lại vừa đẹp nết. Nàng được gả cho Trương Sinh, một người vốn có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. |  | | **2** | Giặc tan Trương Sinh trở về, nghe lời con trẻ nghi ngờ vợ thất tiết và đuổi vợ đi. |  | | **3** | Vũ Nương thanh minh không được bèn gieo minh xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. |  | | **4** | Đang sum họp đầm ấm, xảy ra nạn binh đao, Trương Sinh phải đi lính, Vũ Nương ở nhà hết lòng chăm lo cho mẹ chồng, con thơ và cáng đáng chuyện gia đình. |  | | **5** | Trương Sinh lập đàn giải oan, xong Vũ Nương chỉ hiện về trong chốc lát, rồi biến mất. |  | | **6** | Sau khi Vũ Nương chết, Trương Sinh được con chỉ cái bóng trên tường, chàng hiểu ra vợ bị oan. |  | | **7** | Phan Lang gặp Vũ Nương ở dưới thuỷ cung, nàng gửi chiếc hoa vàng và lời nhắn Trương Sinh. |  |   - Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm.  - Xác định bố cục của tác phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, hoàn thành các yêu cầu ra PHT cá nhân.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 số HS phát biểu.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **2. Cốt truyện và bố cục của tác phẩm**  **a. Cốt truyện**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Sự việc** | **Trình tự** | | **1** | Giới thiệu nhân vật:Vũ Nương, quê Nam Xương, vừa đẹp người lại vừa đẹp nết. Nàng được gả cho Trương Sinh, một người vốn có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. | **1** | | **4** | Đang sum họp đầm ấm, xảy ra nạn binh đao, Trương Sinh phải đi lính, Vũ Nương ở nhà hết lòng chăm lo cho mẹ chồng, con thơ và cáng đáng chuyện gia đình. | **2** | | **2** | Giặc tan Trương Sinh trở về, nghe lời con trẻ nghi ngờ vợ thất tiết và đuổi vợ đi. | **3** | | **3** | Vũ Nương thanh minh không được bèn gieo minh xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. | **4** | | **6** | Sau khi Vũ Nương chết, Trương Sinh được con chỉ cái bóng trên tường, chàng hiểu ra vợ bị oan. | **5** | | **7** | Phan Lang gặp Vũ Nương ở dưới thuỷ cung, nàng gửi chiếc hoa vàng và lời nhắn Trương Sinh. | **6** | | **5** | Trương Sinh lập đàn giải oan, xong Vũ Nương chỉ hiện về trong chốc lát, rồi biến mất. | **7** |   - HS dựa vào cốt truyện, tự tóm tắt.  **b. Bố cục:** 3 phần:  + **Phần 1** (Từ đầu*...lo liệu như đối với* *cha mẹ đẻ mình*): Vẻ đẹp của Vũ Nương.  + **Phần 2 (**Tiếp theo… *nhưng việc đã trót qua rồi*): Số phận và bi kịch của Vũ Nương.  + **Phần 3** (Còn lại): Vũ Nương được lập đàn giải oan và sự ra đi vĩnh viễn của Vũ Nương. |
| **2.3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về các nhân vật**  **\*Tìm hiểu nhân vật Vũ Nương**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**  Nhóm 1,2: Tìm hiểu về vẻ đẹp của Vũ Nương  Nhóm 3,4: Tìm hiểu về số phận và bi kịch của Vũ Nương  Nhóm 1, 2 Nhóm 3, 4  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm   |  | | --- | | **Nhóm 1, 2: Tìm hiểu vẻ đẹp của Vũ Nương** | | **Yêu cầu: Đọc phần 1 của VB và làm rõ những vấn đề sau:**  1. Lời giới thiệu của người kể chuyện ở phần mở đầu đã làm nổi bật những nét gì của Vũ Nương? Cho biết vai trò của lời người kể chuyện trong việc khắc họa nhân vật.  2. Lời nói của Vũ Nương khi chia tay chồng ra trận cho thấy mong muốn, khát vọng gì của nàng?  3. Phân tích những hành động, việc làm của Vũ Nương khi Trương Sinh đi lính.  4. Rút ra nhận xét chung về vẻ đẹp của Vũ Nương. |  |  | | --- | | **Nhóm 3,4: Tìm hiểu số phận bi kịch của Vũ Nương** | | **Yêu cầu: Đọc phần 2 của VB và làm rõ những vấn đề sau:**  1. Phân tích lời than của Vũ Nương trước khi gieo mình xuống sông:  - Nỗi đau của Vũ Nương  - Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì.  2. Cho biết những nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương. Nguyên nhân nào là chủ yếu? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận theo định hướng.  Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề.  “Chuyện người con gái Nam Xương” phản ánh nhiều bất bình đẳng giới. Ảnh minh hoạ từ IT:  Đôi nét về Nguyễn Dữ và tác phẩm Truyền kì mạn lục - Ôn tập Ngữ văn 9 -  Trần Văn Quang  **\*Tìm hiểu nhân vật Trương Sinh**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận theo cặp đôi:**  **Yêu cầu:** Tìm hiểu nhân vật Trương Sinh theo những gợi ý sau:  - Lời người kể chuyện ở phần đầu đã làm nổi bật những nét gì ở nhân vật Trương Sinh. Từ đó, nhận xét vai trò của lời người kể chuyện trong việc khắc họa nhân vật.  - Nhận xét về thái độ, hành động của Trương Sinh khi nghe những lời con trai nói khi dắt con ra thăm mộ mẹ.  - Đặt mình trong tình huống của Trương Sinh, em sẽ có cách xử sự như thế nào?  - Từ dó***,*** nhận xét về nhân vật Trương Sinh và rút ra bài học qua nhân vật. | **3. Tìm hiểu các nhân vật**  **3.1. Nhân vật Vũ Nương**  **a. Vẻ đẹp của Vũ Nương**  ***\* Qua lời giới thiệu nhân vật của người kể chuyện:***  **+** Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương; tính thùy mị, nết na; tư dung tốt đẹp.  + Khi lấy chồng: nàng luôn giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa.  => Lời người kể chuyện ngắn gọn, đầy đủ họ tên, quê quán, nét nổi bật trong tính cách 🡪 định hướng cho người đọc, khiến người đọc có ấn tượng là nhân vật có thật.  *\*****Qua lời tiễn chồng ra trận***: Chồng đi lính, nàng «*chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ mong ngày về mang theo được hai chữ bình yên*» 🡪 Nàng không mong cầu vinh hoa phú quý, luôn lo lắng cho an nguy của chồng khi chinh chiến nơi ải xa; chỉ khao khát hạnh phúc gia đình, mong chồng được bình an trở về.  \* ***Qua hành động, việc làm khi xa chồng***:  + Đối với chồng: nhớ chồng không nguôi, hết mực chung thủy.  + Đối với mẹ chồng: là người con dâu hiếu thảo, ân cần, hết lòng chăm sóc, phụng dưỡng lúc ốm đau, lo ma chay lễ tế khi mất như mẹ đẻ.  Người mẹ chồng cũng đã ghi nhận tấm lòng, nhân cách và công lao của Vũ Nương đối với gia đình chồng qua lời trăng trối: «...*xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ*».  + Đối với con cái: là người mẹ yêu thương con hết mực, trỏ vào bóng mình bảo là cha Đản vì muốn con không thiếu vắng tình cha.  🡺 Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, có khát vọng hạnh phúc chính đáng; là hiện thân cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.  **b. Số phận bi kịch của Vũ Nương**  ***\*Bi kịch của Vũ Nương:***  ***+*** Khi chồng trở về, Vũ Nương phải gánh chịu nỗi oan lạ lùng.  + Phải tìm đến cái chết (gieo mình xuống sông) để tỏ tấm lòng chung thủy của mình.  ***\* Lời than của Vũ Nương (ngôn ngữ của nhân vật):***  ***-* Nỗi đau của Vũ Nương:**  + “*Thiếp vốn con kẻ khó... Cách biệt ba năm gìn giữ một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén ghét...”:* Nàng luôn thủy chung giữ mình khi xa chồng, nhưng phải chịu nỗi oan là người không đoan chính 🡪 nỗi đau bị chà đạp về nhân phẩm. Dù đau đớn nhưng nàng hết lòng phân trần với chồng, cố gắng hàn gắn cái hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.  **+** *“Thiếp vốn nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy....kia nữa*”: Hạnh phúc gia đình vốn là điểm tựa, chỗ dựa vững chắc cho Vũ Nương nhưng vì ghen tuông mù quáng mà chồng nàng đã làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, cũng là lúc nàng mất đi chỗ dựa trong cuộc sống, lâm vào bi kịch. 🡪 nỗi đau khát vọng hạnh phúc gia đình tan vỡ.  + Lời thoại ở bến Hoàng Giang: “*Kẻ bạc mệnh này ...mọi người phỉ nhổ*”: Lời thề ai oán và phẫn uất, quyết lấy cái chết để khẳng định tấm lòng trong sạch như ngọc Mị Nương, thủy chung như cỏ Ngu mĩ. Đây là hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự, vừa có nỗi tuyệt vọng, vừa có sự chỉ đạo của lý trí.  🡺Nhận xét: Một người xinh đẹp, nết na, hiền thục lại đảm đang, tháo vát; hiếu thảo với mẹ chồng, một dạ thủy chung với chồng, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng lại phải chết một cách oan uổng, đau đớn.  - **Đặc điểm ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì:**  + Thể hiện diễn biến nội tâm của nhân vật: cố gắng giải thích mong hàn gắn hạnh phúc 🡪 mất niềm tin, thất vọng 🡪 tuyệt vọng, tìm đến cái chết để minh oan.  + Sử dụng nhiều điển cố, điển tích; các phép đối; mượng các hình ảnh thiên nhiên để nói lên nỗi lòng.  **\**Nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương:***  **- Nguyên nhân trực tiếp:** Do Trương Sinh quá đa nghi, hay ghen, gia trưởng, độc đoán. Hồ đồ tin lời con trẻ, Trương Sinh đã không cho Vũ Nương cơ hội trình bày, thanh minh.  **- Nguyên nhân sâu xa:**  + Do xã hội phong kiến với cảnh “binh lửa rối ren” gây bao đau khổ cho nhân dân. Vì chiến tranh phong kiến phi nghĩa nên vợ chồng Vũ Nương phải xa cách, dẫn đến hiểu lầm.  + Do cuộc hôn nhân không bình đẳng, Vũ Nương chỉ là “con nhà kẻ khó”, còn Trương Sinh là “con nhà hào phú”.  + Do mặt tiêu cực của lễ giáo phong kiến: Chế độ nam quyền tạo ra thái độ tàn tệ, rẻ rúng của Trương Sinh đối với Vũ Nương; quan niệm đạo Nho một cách cực đoan về chữ “trinh”, chữ “tiết” đã trở thành áp lực gây đau khổ cho người phụ nữ.  🡺 Đứng trên lập trường nhân bản, Nguyễn Dữ đã phản ánh số phận bi kịch, bất hạnh của Vũ Nương tiêu biểu cho thân phận của người phụ nữ trong XHPK. Họ là những người phụ nữ đẹp người, đẹp nét nhưng lại là những “tấm gương oan khổ” về bi kịch gia đình, bi kịch của lòng chung thủy.  **3.2. Nhân vật Trương Sinh**  - Lời giới thiệu của người kể chuyện: Con nhà giàu, ít học, đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá mức.  🡪 Lời giới thiệu khách quan về nhân vật, định hướng cho người đọc dự đoán ngay từ đầu về hạnh phúc mong manh của cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương – Trường Sinh.  - Trương Sinh trở về sau 3 năm đi lính:  + Tâm trạng nặng nề, không vui: “*Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi”*.  + Thái độ khi nghe lời bé Đản nói: ngạc nhiên 🡪 gạn hỏi 🡪 đinh ninh là vợ hư.  + Hành động vũ phu: la um lên cho hả giận 🡪 không tin lời vợ phân trần 🡪 mắng nhiếc nàng 🡪 đánh đuổi đi.  🡺 **Nhận xét:** Với bản tính ít học lại hay đa nghi như đã giới thiệu ở phần đầu, Trương Sinh dễ tin lời nói của con trẻ, không cho vợ một cơ hội để thanh minh . Khi cơn ghen bùng nổ, Trương Sinh có lối cư xử thô bạo, độc đoán, mù quáng, tàn nhẫn. |
| **2.4. Hướng dẫn HS tìm hiểu về không gian, thời gian và các yếu tố kì ảo.**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**   |  | | --- | | **PHT: Tìm hiểu không gian, thời gian trong truyện, các yếu tố kì ảo** | | **Yêu cầu: Đọc phần 3 của VB và làm rõ những vấn đề sau:**  1. Trong tác phẩm, nhân vật Phan Lang được khắc họa ở những không gian nào? Nhân vật Phan Lang có vai trò gì trong truyện?  2. Chỉ ra các yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng trong truyện và nêu tác dụng của các yếu tố ấy.  3. Theo em, đoạn kết truyện miêu tả cảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan mang màu sắc kì ảo có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm? |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận theo định hướng.  Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề. | **4. Không gian, thời gian; các yếu tố kì ảo**  **\*Không gian, thời gian:**  - Không gian:  - Thời gian:  **\*Tìm hiểu về các yếu tố kì ảo:**  **- Các yếu tố kì ảo trong truyện:**  + Phan Lang nằm mộng 🡪 thả rùa. + Phan lang lạc vào động rùa của Linh Phi được đãi yến, gặp Vũ Nương - được Linh phi rẽ rước đưa về dương thế. + Vũ Nương đưa trâm cho Phan Lang mang về cho Trương Sinh. + Hình ảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang  - **Tác dụng của yếu tố kì ảo:**  + Làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn, tạo màu sắc truyền kì cho câu chuyện, tạo không khí cổ tích dân gian, thiêng liêng hóa sự trở về của Vũ Nương. + Hai yếu tố hiện thực và kì ảo đan xen làm cho thế giới kì ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy.  **\* Tìm hiểu hình ảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang:**  ***- Các chi tiết miêu tả hình ảnh Vũ Nương ở đoạn kết:***  + Sự xuất hiện kì ảo: Vũ Nương ngồi trên chiếc kiệu hoa đứng giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn lúc hiện.  + Lời nói: “*Thiếp cảm ơn đức Linh Phi...., thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”.*  ***- Ý nghĩa của đoạn kết đối với việc thể hiện chủ đề:*** Đặt ra 3 vấn đề:  + Hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương: bao dung, vị tha, nặng lòng với gia đình. Chính khát vọng hạnh phúc gia đình đã đưa Vũ Nương trở về gặp gỡ chồng trong hạnh phúc đoàn tụ, dù là hết sức ngắn ngủi.  + Tạo nên một hình thức kết thúc có hậu cho tác phẩm: nỗi oan được giải. → Thể hiện sự công bằng trong cuộc đời. Thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân về lẽ công bằng trong cuộc đời, người tốt dù trải qua bao oan khuất cuối cùng vẫn được minh oan.  + Song thực chất đoạn kết là một kết thúc ngầm chứa một bi kịch: Vũ Nương trở lại trần thế uy nghi, loang loáng nhưng mờ nhạt 🡪 Đoạn kết là một chút an ủi cho người bạc phận khi hạnh phúc thực sự đã mất đi thì không bao giờ tìm lại được. |

**Nhiệm vụ 3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  - Phát biểu chủ đề của tác phẩm và trình bày suy nghĩ của em về chủ đề đó.  - Khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn, nhóm   * - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Chủ đề**  - Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam - Cảm thông với số phận nhỏ nhoi, bất hạnh, bi kịch của ngươi phụ nữ dưới chế độ phong kiến. - Phê phán thói ghen tuông mù quáng, tính độc quyền gia trưởng của đàn ông trong gia đình 🡪 vấn đề muôn thuở của mọi thời đại. - Tố cáo chiến tranh phi nghĩa đã gây nên cảnh gia đình chia lìa, đổ nát.  **2. Đặc sắc về nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính: Dựa vào cốt truyện có sẵn cộng với sự sáng tạo của tác giả, tăng cường tính bi kịch và làm truyện trở nên hấp dẫn, sinh động. - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: Miêu tả qua lời người kể chuyện và qua lời nói của nhân vật (lời đối thoại, độc thoại của nhân vật).  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường.  - Kết hợp tự sự và trữ tình. |

**Nhiệm vụ 4. Rút ra cách đọc hiểu một tác phẩm truyện truyền kì**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu: Rút ra những lưu ý về cách đọc hiểu thể loại truyện truyền kì.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1-2 HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **IV. Cách đọc hiểu tác phẩm truyện truyền kì**  1. Tóm tắt được cốt truyện.  2. Xác định lời người kể chuyện, lời nhân vật trong tác phẩm.  3. Tìm hiểu nội dung của lời người kể chuyện: Kể về ai? Kể về cái gì? Lời kể có vai trò như thế nào trong khắc họa nhân vật?  4. Tìm hiểu lời nhân vật: Nói về điều gì? Đặc điểm trong ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì?  5. Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện truyền kì; lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  6. Xác định được không gian, thời gian trong truyện truyền kì.  7. Tìm hiểu các yếu tố kì ảo: Truyện có các yếu tố kì ảo nào? Các yếu tố kì ảo có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm?  8. Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: Hệ thống kiến thức tác phẩm.

**b. Nội dung**: Thiết kế bộ thẻ đố tri thức về tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương.*

**c. Sản phẩm:** Thẻ đố tri thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chuẩn bị khoảng 40 thẻ bìa cứng, phát cho 4 nhóm mỗi nhóm 10 thẻ.  GV nêu yêu cầu:  - Mỗi nhóm soạn 10 câu đố xoay quanh tác giả Nguyễn Dữ và nội dung, nghệ thuật tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*.  - Thiết kế và viết câu đố vào thẻ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm, soạn câu hỏi và thiết kế thẻ đố tri thức.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn HS chia 10 thẻ đố thành 02 bộ nhỏ: Mỗi bộ gồm 05 thẻ đố.  - GV tổ chức cho các nhóm bốc thăm và thi đố.  + Mỗi nhóm sẽ có 02 lượt thi.  + Mỗi lượt sử dụng 01 bộ thẻ đố   |  |  | | --- | --- | | **Lượt thi đố** | **Kết quả** | | Nhóm 1 |  | | Nhóm 2 |  | | Nhóm 3 |  | | Nhóm 4 |  |   - Các nhóm trả lời câu đố theo các bộ thẻ đố  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét các câu đố và cách thiết kế các thẻ đố tri thức. | **V. Luyện tập**  Bộ thẻ đố tri thức của các nhóm học sinh. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b) Nội dung**: HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân

**c) Sản phẩm**: Phần chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV có thể chọn 1 trong các hình thức sau:**

**1. Chia sẻ thông điệp**

***Yêu cầu:*** *Câu chuyện đã tác động đến suy nghĩ và tình cảm của em như thế nào?*

Ghi lại những thông điệp mà em rút ra sau khi đọc văn bản (Mỗi HS rút ra thông điệp, ghi trên giấy nhớ). Sau đó, các HS chia sẻ thông điệp trong nhóm.

- Các thành viên sẽ dán thông điệp của từng cá nhân lên sản phẩm chung của cả nhóm.

- Các nhóm dán sản phẩm nhóm lên bảng.

***Gợi ý sản phẩm:***

* Cần biết yêu thương, trân trọng những người phụ nữ quanh mình.
* Trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng cần biết tin tưởng nhau, khi có khúc mắc thì cần thẳng thắn chia sẻ, tránh hiểu lầm.
* Người phụ nữ cũng cần mạnh mẽ đấu tranh đến cùng cho lẽ phải, cho công lý, không nên dễ dàng tìm đến cái chết.

**2. Kĩ thuật Think – Pair – Share**

***Yêu cầu:*** Trong cuộc sống ngày nay, em thấy có người phụ nữ nào rơi vào cảnh ngộ như nàng Vũ Nương hay không? Nếu em rơi vào cảnh ngộ giống nàng Vũ Nương, em sẽ hành động như thế nào?

* HS suy nghĩ cá nhân, sau đó thảo luận cặp.
* Chia sẻ suy nghĩ trước cả lớp.

***Gợi ý sản phẩm:*** HS chia sẻ suy nghĩ

* Ngày nay trong xã hội hiện đại của thế kỉ XXI, đâu đó vẫn còn những mảnh đời, số phận người phụ nữ bất hạnh khi họ trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình; nhiều người vẫn phải sống không được tôn trọng, không có tiếng nói bên những người chồng gia trưởng, độc đoán.
* Nếu rơi vào cảnh ngộ như Vũ Nương, em sẽ mạnh mẽ để đòi lại công lí, lẽ phải.

+ Có thể nhờ pháp luật can thiệp nếu bị người chồng hành hung, đánh đập, chửi bới vô căn cứ.

+ Sẽ li hôn nếu không tìm được tiếng nói chung, không được tôn trọng.

+ Sẽ trân trọng mạng sống, thể xác mà cha mẹ đã ban cho, không dễ từ bỏ sự sống.

...

**3. Sơ đồ “Cây gia đình”**

***Yêu cầu:*** Một trong những thông điệp mà văn bản đem đến cho chúng ta là thông điệp về gia đình. Vậy theo em, những điều gì góp phần tạo nên một gia đình hạnh phúc?

- HS trao đổi trong nhóm, dán các từ khóa vào Sơ đồ “Cây gia đình”.

- Các nhóm dán sản phẩm nhóm lên bảng.



***Gợi ý sản phẩm:***

Những điều gì góp phần tạo nên một gia đình hạnh phúc: *tôn trọng – tin tưởng – chia sẻ - yêu thương – thủy chung - ...*

**4. Viết kết nối với đọc**

**Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết “cái bóng” trong truyện.

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: suy nghĩ về chi tiết “cái bóng” trong truyện. |  |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

***Gợi ý sản phẩm***

Suy nghĩ về chi tiết “cái bóng”:

- Giá trị nghệ thuật của chi tiết:

 + Cái bóng là một chi tiết đặc sắc, là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn. + Cái bóng là đầu mối, điểm thắt mở nút của câu chuyện: dẫn đến oan khuất và giải oan cho Vũ Nương.

- Giá trị nội dung, tư tưởng:

+ Góp phần thể hiện, khắc họa rõ tính cách các nhân vật: Bé Đản ngây thơ; Trương Sinh hồ đồ, đa nghi; Vũ Nương yêu thương chồng con.

+ Cái bóng góp phần tố cáo xã hội phong kiến bất công, khiến hạnh phúc của người phụ nữ hết sức mong manh.

**Đoạn văn tham khảo**

Chi tiết chiếc bóng trên vách là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Dữ trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương.* Nó là đầu mối, điểm thắt mở nút của câu chuyện: dẫn đến oan khuất và giải oan cho Vũ Nương. Trước tiên, chiếc bóng xuất hiện trong tác phẩm là chiếc bóng của Vũ Nương chỉ trên vách, bảo với con đó là cha Đản, để rồi thằng bé ngây thơ vẫn luôn tin lời mẹ, hồn nhiên kể cho Trương Sinh nghe mỗi đêm đều có người đàn ông tới gặp mẹ Đản. Chiếc bóng của Vũ Nương là điểm thắt nút của câu chuyện, dẫn đến nỗi oan khuất của nàng. Đó còn là chiếc bóng của Trương Sinh trên vách ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya sau khi vợ đã gieo mình xuống sông. Lần này chiếc bóng của Trương Sinh đã giải oan cho Vũ Nương, khiếnTrương Sinh hiểu ra vợ mình đã bị oan. Điểm đặc sắc trong cách kể chuyện của nhà văn là Nguyễn Dữ đã giấu chi tiết chiếc bóng xuống phần mở nút để gây bất ngờ cho người đọc. Người đọc bàng hoàng nhận ra và xót xa khi chiếc bóng ấy là cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi của người vợ trẻ khi xa chồng; là vẻ đẹp tâm hồn, cái tình của Vũ Nương, đó là lòng nhớ thương, chung thủy là khát khao sự sum họp đoàn tụ, là tình thương con của người mẹ, muốn bù đắp cho con sự thiếu vắng tình cha. Đó là trò đùa trong thương nhớ, là sự nói dối đầy thiện chí và yêu thương. Nó gợi sự gắn bó như hình với bóng vậy mà nó lại là con dao chia cắt, dẫn tới cái chết oan uổng của người vợ trẻ. Sự ngộ nhận của đứa trẻ ngây thơ, sự hiểu lầm của người chồng, tất cả diễn ra tự nhiên, hợp lý. Nhưng sự ghen tuông quá mức và tàn nhẫn của Trương Sinh đã dẫn đến thảm kịch. Để Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ từ chiếc bóng của mình cũng là hợp lý. Chiếc bóng gây ra nỗi kỳ oan và cũng chính nó đã giải oan cho Vũ Nương. Câu chuyện khiến ta nghĩ tới số phận nhỏ nhoi, mong manh, đáng thương của người phụ nữa trong xã hội xưa. Họ có thể bị nghi oan vì bất cứ lý do gì mà không thể lường trước được và không có cách gì giải tỏ, thanh minh, chỉ có cái chết mới giải thoát cho họ. Mà nhiều khi gây nên bi kịch ấy chẳng phải ai khác, lại là chính những người họ yêu thương, gắn bó. Lấy cái bóng của người để khái quát bi kịch của con người là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo hiếm thấy. Cảm hứng hiện thực và cảm hứng nhân đạo của tác giả được kết tinh ở chi tiết này.

5. HS về nhà sưu tầm thêm các tác phẩm được gợi cảm hứng từ số phận của nàng Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”.

**Ví dụ:** **Bài thơ *Miếu vợ chàng Trương* (Lê Thánh Tông)**

Nghi ngút đầu ghềnh toả khói hương,  
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.  
Bóng đèn dầu nhẫn đừng nghe trẻ,  
Cung nước chi cho luỵ đến nàng.  
Chứng quả đã đôi vầng nhật nguyệt,  
Giải oan chi lọ mấy đàn tràng?  
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,  
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 4 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực:*Giúp HS:

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của điển tích, điển cố.

- HS biết sử dụng đúng điển cố, điển tích để đạt hiệu quả trong các hoạt động viết, nói và nghe.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

- Năng lực hợp tác trong nhóm nhỏ.

*2. Phẩm chất:*

Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

**2. Học liệu:** Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Trò chơi “Ong tìm chữ”**

**Yêu cầu:**

**-** GV chia mỗi bàn thành 01 nhóm. Mỗi nhóm được phát một bảng con ghi phấn.

- HS gấp hết SGK, vở ghi lại để tham gia trò chơi.

- GV lần lượt trình yêu cầu, HS các nhóm trả lời bằng cách điền từ còn thiếu vào chỗ trống.

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Câu cần điền chỗ trống** |
| **1** | *Ta thường nghe: ...(1)... đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Ðế; ...(2)... chìa lưng chịu giáo, che chở cho cho Chiêu Vương.* (Trích *Hịch tướng sĩ,* Trần Quốc Tuấn) |
| **2** | *Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc ...(1)..., xuống đất xin làm cỏ ...(2)...* (Trích *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ) |
| **3** | *Nương tử nghĩa khác ...(1)... , hờn không ...(2)... mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước.* (Trích *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ) |

* Câu hỏi sau phần thi “Ong tìm chữ”:

*? Em hãy đưa ra cách hiểu của một trong những cụm từ tìm được. Em dựa vào đâu để hiểu đúng các từ ngữ đó?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tham gia trò chơi.- GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** \*GV cho điểm hoặc phát thưởng cho Đội trả lời được nhiều đáp án đúng nhất, trao danh hiệu “Ong vàng chăm chỉ”.**=> Điền vào chỗ trống trong các câu sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Câu cần điền chỗ trống** | **Đáp án** |
| **1** | *Ta thường nghe: ...(1)... đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Ðế; ...(2)... chìa lưng chịu giáo, che chở cho cho Chiêu Vương.* (Trích *Hịch tướng sĩ,* Trần Quốc Tuấn) | 1. *Kỉ Tín* 2. *Do Vu* |
| **2** | *Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ...(1)..., xuống đất xin làm ...(2)...* (Trích *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ) | 1. *ngọc Mị Nương* 2. *cỏ Ngu mĩ.* |
| **3** | *Nương tử nghĩa khác ...(1)... , hờn không ...(2)... mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước.* (Trích *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ) | 1. *Tào Nga* 2. *Tinh Vệ* |

\*HS dựa vào chú thích chân trang ở SGK lớp 8, bài 1 lớp 9 để đưa ra cách hiểu về từ ngữ tìm được.

Ví dụ:

+ ***Kỉ Tín****:* tướng của Lưu Bang (Hán Cao Tổ - hoàng đế sáng lập nhà Hán). Khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây ở đất Huỳnh Dương, thế khó thoát, Kỉ Tín (có ngoại hình giống Lưu Bang) bèn giả làm Lưu Bang ra hàng, bi Hạng Vũ giết. Nhờ đỏ Lưu Bang thoát nạn.

**+ *Do Vu****:* tướng của sở Chiêu Vương (thời Xuân Thu). Chiêu Vương lúc lánh nạn ở đầm Vân Mộng, đang ngủ thì bị kẻ cướp đâm. Do Vu đã chìa lưng che chở cho Chiêu Vương, bị đâm trúng bả vai.

+ ***ngọc Mị Nương***: theo tích ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết Mị Châu – Trọng Thủy, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.

**=> GV dẫn vào bài:** Trong lời ăn tiếng nói hàng ngày, đặc biệt là trong sáng tác văn học, ta bắt gặp nhiều cụm từ được dẫn lại từ những câu chuyện, sự việc hay câu chữ trong sách xưa. Đó là những điển tích, điển cố. Vậy cách nhận biết điển tích, điển cố như thế nào và tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố ra sao, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a**. **Mục tiêu**: HS nắm được khái niệm, ý nghĩa và cách nhận biết điển tích, điển cố.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Phiếu học tập 01: Tìm hiểu về điển tích, điển cố**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Điển tích** | **Điển cố** |
| **1. Là gì?** | ……………………….. | ……………………….. |
| **2. Ý nghĩa – tác dụng** | ……………………… | |
| **3. Cách nhận biết** | ……………………… | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  1. Qua bài tập ở phần Khởi động, HS dựa vào SGK, trao đổi cặp để hoàn thành Phiếu học tập 01. **Tìm hiểu về điển tích, điển cố**  2. Mỗi HS sẽ lấy 01 ví dụ về điển cố, điển tích; sau đó chia sẻ với bạn theo cặp.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận theo cặp. * GV động viên, quan sát.   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện một số cặp trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hoá kiến thức. | I. LÝ THUYẾT  **Phiếu học tập 01: Tìm hiểu về điển tích, điển cố**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Điển tích** | **Điển cố** | | **1. Là gì?** | Là **câu chuyện** trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong văn bản của các tác giả đời sau. | Là **sự việc** hay **câu chữ** trong sách xưa, được dẫn lại trong văn bản của các tác giả đời sau. | | **2. Ý nghĩa - tác dụng** | - Làm cho câu văn, câu thơ thêm hàm súc, trang nhã, gợi liên tưởng phong phú cho người đọc.  - Giúp củng cố lí lẽ, làm tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận. | | | **3. Cách nhận biết** | - Điển tích, điển cố tuy xuất hiện chỉ là từ ngữ trong văn bản nhưng đằng sau từ ngữ là một câu chuyện, sự tích, câu kinh, câu thơ nào đó.  - Điển tích, điển cố trong VB của người Việt chủ yếu có nguồn gốc từ Trung Quốc hoặc từ văn học cổ trong nước; một số điển tích xuất phát từ văn học châu Âu.  - Cần xem chú giải để hiểu đúng ý nghĩa của các điển cố, điển tích. | | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức về điển cố, điển tích để thực hiện các nhiệm vụ HT.

- NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi, nhóm.

**b. Sản phẩm:** Trả lời các bài tập 1, 2 (SGK/ tr. 17-18).

### c. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thực hành bài tập 1 (Tr.17/ SGK )**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận cặp đôi trong 03 phút để hoàn thành yêu cầu bài tập 1 (SGK/ Tr 17).  **Yêu cầu:**  **-** *Đọc lại các chú thích ở chân trang của văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” và cho biết những trường hợp sử dụng điển tích, điển cố.*  *- Nếu sách giáo khoa không giải thích, em có hiểu được ý nghĩa của các câu văn có sử dụng điển tích, điển cố đó không? Vì sao?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận cặp đôi.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV sử dụng **Vòng quay Wheel of names** để gọi HS phát biểu (tạo không khí hồi hộp).  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | 1. **Bài tập 1 (Tr.17/ SGK )**  \*Những trường hợp sử dụng điển tích, điển cố. trong văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” là:  *Núi Vọng Phu; ngọc Mị Nương; cỏ Ngu mĩ, Tào Nga; Tinh Vệ; ngựa Hồ gầm gió Bắc, chim Việt đậu cành Nam; quăng thoi đứng dậy, tuy mẹ bậc đại hiền cũng phải phân vân; mất búa đổ ngờ; Ý dĩ đầy xe, quan võ đổ ngờ lão tướng; Tào Tháo đến phụ ân nhân.*  - Nếu sách giáo khoa không giải thích, HS sẽ khó hiểu được ý nghĩa của các câu văn có sử dụng điển tích, điển cố đó vì các điển tích, điển cố có tính hàm súc, tuy chỉ là một từ ngữ nhưng đằng sau đó là cả một câu chuyện, sự tích có nguồn gốc từ Trung Quốc hoặc văn học cổ. Do vậy, nếu chúng ta không có thông tin về câu chuyện đó thì không thể hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố đang được sử dụng. |
| **Thực hành bài tập 2 (Tr.17/ SGK )**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận để hoàn thiện bài tập 2, hoàn thành Phiếu học tập 02:   |  |  | | --- | --- | | Phiếu học tập 02: **Bài tập 2 (Tr 17/SGK)**  ***Tìm hiểu các cụm từ in đậm trong các câu:*** | | | a. Đặc điểm chung | ................. | | b. Nghĩa của các cụm từ | ................. | | c. Tác dụng trong ngữ cảnh | ................. |   **Lưu ý** trong quá trình thảo luận: Cần đảm bảo tất cả các thành viên trong nhóm đều tham gia thảo luận; bạn hiểu hướng dẫn bạn chưa hiểu.  - Chỉ 2 nhóm hoàn thiện Phiếu học tập 02 xong trước mới giành được quyền treo sản phẩm lên bảng và báo cáo lấy điểm.  - GV và cả lớp sẽ cùng chấm chung sản phẩm của 02 nhóm nhanh nhất trên bảng:  + **Điểm thuyết trình (10đ) :** GV gọi bất kì thành viên nào của nhóm lên báo cáo (không được nhìn vào sản phẩm nhóm trên bảng để trả lời).  + **Điểm sản phẩm (10đ):** chấm Phiếu học tập  - Nhóm nào có tổng điểm thuyết trình và điểm sản phẩm cao hơn sẽ chiến thắng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2. Bài tập 2 (Tr 17/SGK)**  a. Đặc điểm chung: Đều là các điển tích, điển cố.  b. Nghĩa của các cụm từ in đậm (các điển tích, điển cố):  - *đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa:* Theo truyền thuyết người đàn bà có chồng đi xa, ngày ngày lên núi ngóng trông đến nỗi hóa đá.   * *vào nước xin làm ngọc Mỵ Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ:*   + *Ngọc Mị Nương*: theo tích ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết Mị Châu – Trọng Thủy, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.  + *Cỏ Ngu mĩ*: điển tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ. (Khi Hạng Vũ thua trận, thế cùng, chạy đến Cai Hạ, Ngu Cơ rút gươm tự vẫn; tục truyền hồn nàng nhập vào cỏ bên bờ sông Ô thành cỏ Ngu mĩ nhân, thứ cỏ này khi thấy người ta xướng lên khúc *Ngu mĩ nhân* kể chuyện Hạng Vũ – Ngu Cơ thì cành lá rung rinh, có vẻ như cảm động.)  - *nghĩa khác Tào Nga, hờn không Tinh Vệ:*  + *Tào Nga*: Tương truyền vào thời Đông Hán (Trung Quốc), Tào Nga khi ấy 14 tuổi, cha bị chết đuối, khóc thương thảm thiết, sau nàng gieo mình xuống sông, ít ngày sau, người ta tìm thấy thi thể nàng ôm xác cha nổi lên.  + *Tinh Vệ:* Con gái vua Viêm Đế, khi chết đuối hóa thành chim Tinh Vệ, ngày ngày ngậm đá toan lấp biển.   * *ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam:*đất Hồ ở phương Bắc lắm ngựa quý, đất Việt ở phương Nam lắm chim lạ; ngựa và chim ấy đưa vào Trung Quốc vẫn nhớ nước cũ; mỗi khi thấy gió bắc, dù ở đây, ngựa Hồ vẫn hí lên; chim Việt luôn nhớ khí hậu ấm áp ở phương nam nên thường tìm cành cây phía nam để đậu.   c. Tác dụng của việc sử dụng các điển tích điển cố:  - Làm nổi bật lên vẻ đẹp, giá trị bên trong và nỗi lòng của nhân vật Vũ Nương.  - Làm cho các câu văn thêm hàm súc, trang nhã, gợi liên tưởng phong phú cho người đọc. |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về điển tích, điển cố để làm bài tập vận dụng viết ngắn.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Giải thích nghĩa và đặt câu với các điển tích, điển cố sau đây:

*- Gót chân A-sin*

*- Nợ như chúa Chổm*

*- gã Sở Khanh*

*- Đẽo cày giữa đường*

*- Nữ Oa vá trời*

*- cuộc bể dâu*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ, hoàn thành yêu cầu của GV**.**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** GV gọi một số HS trình bày sản phẩm học tập.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV chuẩn kiến thức.

**Dự kiến sản phẩm học tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điển cố, điển tích** | **Giải thích nghĩa** | **Đặt câu** |
| *Gót chân A-sin* | Chỉ điểm yếu chết người của cá nhân hay đối tượng nào đó. | Lần này thì hắn đã lộ *gót chân A- sin* ra rồi. |
| *Nợ như chúa Chổm* | Dùng để chỉ việc nợ nần chồng chất nhiều nơi, nhiều người. | Nó cứ chi tiêu không có kế hoạch gì, nên giờ *nợ như chúa Chổm.* |
| *Gã Sở Khanh* | Chỉnhững kẻ dáng vẻ hào hoa, nói năng lịch thiệp nhưng chuyên đi lừa phỉnh, dụ dỗ lợi dụng, phản bội các cô gái. | Hắn lộ bản chất đích thị là một *gã Sở Khanh.* |
| *Đẽo cày giữa đường* | Ý chỉ việc không có chủ kiến, luôn bị động, hay thay đổi theo ý kiến người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì. | Anh phải quyết đoán, chứ không là thành kẻ *đẽo cày giữa đường* đấy! |
| *Cuộc bể dâu* | chỉ sự thay đổi của cuộc đời. | Hơn nửa đời người, đã trải qua bao cuộc bể dâu nên ông dễ đón nhận nỗi đau này. |

RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………

**Tiết 5,6: Đọc hiểu văn bản:**

**VĂN BẢN 2: DẾ CHỌI**

**(Bồ Tùng Linh)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

- HS nhận biết được một số yếu tố như: không gian, thời gian, chi tiết truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong tác phẩm truyện truyền kì “Dế chọi” (Bồ Tùng Linh).

- HS nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- HS nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm.

*2. Phẩm chất*

**-** Biết yêu quý, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

- Biết lên án, phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

*1.Giáo viên*

- Sưu tầm tài liệu: Đọc tác phẩm *Liêu trai chí dị* (Bồ Tùng Linh)

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc

**2. Học sinh**

- Đọc tài liệu có liên quan đến tác phẩm

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Quan sát hình ảnh

? *Các hình ảnh sau khiến em nghĩ đến trò chơi dân gian nào? Em có hiểu biết gì về trò chơi này?*

|  |  |
| --- | --- |
| Con nít vùng ngoại ô Sài Gòn vẫn chơi đá dế! - Tuổi Trẻ Online | ci9 |

*? Em có suy nghĩ thế nào về hậu quả của việc một ông vua lại mê trò chơi chọi dế?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân, giơ tay trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

**Dự kiến sản phẩm**

- Các hình ảnh trên minh họa trò chơi chọi dế - một trò chơi dân gian của nhiều trẻ em vùng nông thôn.

- Một ông vua lại mê trò chơi chọi dế có thể gây ra những hậu quả khôn lường cho đất nước bởi nếu ham mê trò vui thì vua sẽ quên đi công việc triều chính; hơn nữa nếu vị vua này vì thú vui của mình mà sách nhiễu nhân dân thì sẽ gây ra nhiều tai họa cho nhân dân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**GV dẫn vào bài mới:** Trò chơi dân gian là một sinh hoạt văn hóa do nhân dân sáng tạo trong quá trình lao động, sản xuất và được lưu truyền tự nhiên, rộng rãi trong cộng đồng. Những trò chơi dân gian không chỉ giúp người dân xua tan đi mệt mỏi sau những giờ lao động, làm việc. Vậy sẽ ra sao

nếu một ông vua ham chọi dế? Chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu qua bài học hôm nay về truyện truyền kì “*Dế chọi*” (Bồ Tùng Linh).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu:** Học sinh nhận biết được những nét chung về tác giả Bồ Tùng Linh, tác phẩm “Liêu trai chí dị” và truyện “Dế chọi”.

**b. Nội dung hoạt động**: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về tác giả, tác phẩm để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, HS trao đổi theo cặp, hoàn thiện bảng kiến thức sau vào trong vở:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Bồ Tùng Linh** | Năm sinh- mất  ... | Nhà văn nước ... | Tác phẩm chính  ... | | **Tác phẩm *Liêu trai chí dị*** | Thể loại  ...  Số lượng  ... | Nguồn gốc... | Nội dung chính:  ... |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp, hoàn thiện bảng kiến thức  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm:** HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác giả**  **Bồ Tùng Linh** | 1640 - 1715 | Nhà văn nổi tiếng Trung Quốc | Tác phẩm chính  ... | | **Tác phẩm *Liêu trai chí dị*** | -Thể loại  truyền kì  -Gồm 500 truyện | Nguồn gốc: khai thác từ nhiều cốt truyện dân gian và những truyện kì lạ, hoang đường của một số tác giả đời trước. | Nội dung chính: Phê phán mạnh mẽ nền chính trị và những thói hư tật xấu của xã hội TQ thời bấy giờ. | |

**Nhiệm vụ 2. Đọc – khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

**-** Học sinh nhận biết cốt truyện, không gian, thời gian, chi tiết truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong tác phẩm truyện truyền kì “Dế chọi” (Bồ Tùng Linh).

- HS nhận xét được tính hiện thực và các yếu tố kì ảo trong truyện.

**b. Nội dung hoạt động**: thảo luận nhóm, cặp đôi, suy nghĩ cá nhân.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **2.1. GV hướng dẫn HS đọc VB**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: Chú ý phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.  - GV mời 1 số HS đọc diễn cảm một đoạn mà HS thích nhất.  - GV nhắc HS sử dụng chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: *theo dõi, dự đoán, đối chiếu.*  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang, đặc biệt là các điển tích, điển cố.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **III. ĐỌC – KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Đọc văn bản**  - Đọc  - Tìm hiểu các chú thích |
| **2.2. Hướng dẫn HS xác định cốt truyện không gian, thời gian và nhân vật chính**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu HS làm việc cá nhân trong 05 phút:**  **1**. Xác định hệ thống nhân vật trong truyện (nhân vật chính, nhân vật phụ)  **2.** Nêu các sự kiện chính tạo nên cốt truyện, từ đótóm tắt ngắn gọn tác phẩm.  **3.** Xác định bố cục của truyện.  **4.** Nhận xét ngắn gọn về thời gian, không gian của truyện.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, hoàn thành các yêu cầu ra PHT cá nhân.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 1 số HS phát biểu.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **2. Cốt truyện, không gian, thời gian và nhân vật chính**  **a. Nhân vật**  \* Nhân vật chính: nhân vật Thành  \* Nhân vật phụ: người thân của Thành (vợ, con trai); vua, gã thiếu niên, tuần phủ, tri huyện.  **b. Cốt truyện**  **Các sự kiện chính:**  **-** Đời Tuyên Đức nhà Minh, vua rất mê trò chọi dế, khiến từ lí dịch đến quan lại đua nhau tìm dế hay để nộp lên trên; dân chúng bị sách nhiễu dâng nộp dế chọi đến khuynh gia bại sản.  - Thành - một người có hiểu biết - bị ép giữ chức nhỏ trong làng với nhiệm vụ chính là thúc dân kiếm dế để nộp; do không đáp ứng được yêu cầu của quan trên nên đã bị đánh đập tàn tệ.  - Theo sự chỉ dẫn của bà đồng gù lưng làm nghề bói toán, Thành đã bắt được một con dế quý. Nhưng đứa con trai của Thành vì tò mò mở lồng xem, để dế nhảy mất; sợ bị cha đánh, nó bỏ trốn, rơi xuống giếng; nhưng không chết, trở nên ngây ngốc, cứ ngủ mê mệt.  - Nghe tiếng gáy của một con dế trong nhà, Thành đuổi theo, bắt được một con dế nhỏ. Tuy vẻ ngoài nhỏ bé nhưng con dế đã đánh thắng một con dế tốt có tiếng trong thôn, thắng luôn cả con gà lao vào mổ nó.  - Thành mừng rỡ đưa dế lên nộp quan để dâng vua, quả đúng như lời Thành nói, con dế tuy nhỏ nhưng có thể thắng bất cứ con nào, lại còn biết nhảy nhót theo điệu nhạc khiến vua rất vừa lòng.  - Các quan sau khi được vua trọng thưởng đã nâng đỡ để Thành đỗ được tú tài. Hơn một năm sau, con trai Thành bình phục, kể rằng chính mình đã hoá thành con dế giúp cha; từ đó nhà Thành ngày càng trở nên giàu sang.  **\*HS tự tóm tắt theo các sự việc chính ở trên.**  **c. Bố cục:** 4 phần:  + **Phần 1** (Từ đầu*...đủ làm mấy nhà khuynh gia bại sản)*: Nguồn cơn của tai họa nộp dế chọi.  + **Phần 2 (**Tiếp theo… *trời đã sáng rõ vẫn nằm đờ buồn bã*): Dế chọi khiến gia đình Thành lâm vào cảnh ngộ éo le.  + **Phần 3** (Tiếp theo...*giàu sang hơn cả các nhà thế gia*): Dế chọi giúp gia đình Thành hưởng phúc giàu sang.  + **Phần 4**: Lời bình của Dị Sử thị.  **d. Không gian, thời gian**  **-** Thời gian: Đời Tuyên Đức nhà Minh.  - Không gian: Trong cung, dân gian. Còn xuất hiện địa danh xác thực (Hoa Âm – Thiểm Tây)  => Thời gian và không gian trong truyện có yếu tố xác thực, cụ thể khiến người đọc ấn tượng là câu chuyện có thực; gây tò mò cho người đọc. |
| **2.3. Hướng dẫn HS tìm hiểu về số phận của gia đình Thành dưới tác động của dế chọi**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **\* GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm:**  Nhóm 1,2: Tìm hiểu số phận của gia đình Thành **trước khi** tìm được dế quý dâng quan.  Nhóm 3,4: Tìm hiểu số phận của gia đình Thành **sau khi** khi tìm được dế quý dâng quan.  GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm:   |  | | --- | | **Nhóm 1, 2: Tìm hiểu số phận của gia đình Thành trước khi tìm được dế quý dâng quan.** | | **Yêu cầu:**  1. Vì sao dân chúng ở huyện Hoa Âm, tỉnh Thiểm Tây phải đi nộp dế chọi?  2. Nêu hoàn cảnh của nhân vật Thành.  3. Khi không tìm được dế quý nộp lên quan trên, gia đình Thành lâm vào cảnh ngộ như thế nào? Những tai họa, bi kịch nào xảy đến với gia đình Thành? |  |  | | --- | | **Nhóm 3,4: Tìm hiểu số phận của gia đình Thành sau khi khi tìm được dế quý dâng quan.** | | **Yêu cầu:**  1. Nêu hoàn cảnh Thành bắt được dế quý.  2. Con dế mà Thành bắt được có gì kì lạ?  3. Nhờ có dế quý nộp lên quan trên, gia đình Thành được hưởng những gì? |   **\*Câu hỏi chung cho cả 4 nhóm:** Phân tích ý nghĩa đối lập giữa hai tình huống của gia đình Thành.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận theo định hướng.  Cử đại diện nhóm trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các nhóm lắng nghe, đánh giá phần trình bày của từng nhóm bằng bảng kiểm đánh giá phần thảo luận trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề. | **3. Số phận của gia đình Thành dưới tác động của dế chọi**  **3.1. Tình huống 1: Trước khi tìm được dế quý dâng quan**  **\*Hoàn cảnh:**  - Đời Tuyên Đức nhà Minh, trong cung chuộng trò chọi dế => bắt nhân gian dâng nộp dế chọi hay.  - Tri huyện Hoa Âm (Thiểm Tây) muốn lấy lòng quan trên nên bắt lí trưởng, lí dịch sách nhiễu dân chúng đem nộp dế => dân chúng huyện này phải chịu họa nộp dế chọi.  - Thành là người có học, tính chất phác nên bị ép làm chức lí chính phải thúc ép dân chúng nộp dế.  **\*Cảnh ngộ éo le, bi đát của gia đình Thành vì tai họa nộp dế chọi:**  **- Nỗi đau thể xác:** Không dám sách nhiễu dân 🡪 không có dế nộp lên quan trên 🡪 bị đánh trăm trượng, máu me bê bết, chỉ nghĩ đến việc tự tử.  **- Nỗi đau tình thần:** Đứa con trai suýt chết  + Nhờ bà đồng mách, Thành tìm được dế 🡪 con trai lén xem, vô tình làm chết dế; sợ hãi bỏ đi và chết đuối dưới giếng 🡪 Thành “chuyển giận thành thương”, “gào khóc muốn tắt hơi”.  + Nửa đêm con nhỏ sống lại, nhưng ngây ngốc như người gỗ, cứ ngủ mê mệt 🡪 Thành nhìn lồng dế rỗng thì đứt hơi nghẹn cổ, nằm đờ buồn bã tới sáng.  => Vì dế chọi mà Thành vất vả, nhọc công tìm kiếm, không những hao hụt hết tiền bạc mà Thành bị đánh nhừ tử, thậm chí còn suýt mất đi con trai của mình.  **3.2. Tình huống 2: Sau khi tìm được dế quý dâng quan**  **\*Hoàn cảnh bắt được dế:**  - Sau khi con Thành sống lại nhưng “thần thái ngây ngốc như người gỗ”, nghe tiếng dế gáy ngoài cửa, Thành đuổi theo.  - Con dế thoắt ẩn, thoắt hiện, tự nhảy xuống tay áo Thành. Tuy không phải con dế trước nhưng Thành vẫn mừng giữ lại.  **\*Đặc điểm của con dế quý dâng lên quan trên:**  - Hình dáng: vừa nhỏ, vừa ngắn, màu tía nhưng nhìn kĩ hình dáng như con chó, cánh hoa mai, đầu xuông chân dài, có vẻ dế hay.  - Con dế chọi không có đối thủ:  + Đánh thắng con dế tốt có tiếng trong làng, lại còn thắng luôn cả con gà lao vào mổ nó.  + Đánh thắng đủ thứ dế lạ khác của các nơi dâng vào cung; đã thế lại còn biết nhảy mỗi khi có nhạc nổi lên.  => Con dế được dâng lên vua, trong cung, nó trở thành con dế vô địch, khiến vua rất vừa lòng. Sau này Thành mới biết con dế quý đó là do con trai hóa thành để giúp cha thoát nạn.  **\*Vận may của gia đình Thành từ khi tìm được dế quý dâng quan:**  - Được Tri huyện miễn sai dịch, được tạo điều kiện đỗ Tú tài; được quan tỉnh trọng thưởng.  - Con trai bình phục bệnh; không quá vài năm mà gia đình trở nên giàu sang (ruộng vườn trăm khoảnh, lầu gác nguy nga, trâu dê cả ngàn con, áo cừu ngựa tốt khi ra khỏi nhà)  => Cũng nhờ có dế chọi mà gia đình Thành trở nên giàu sang, phú quý.  **3.3. Ý nghĩa của sự đối lập giữa hai tình huống**  \***Hai tình huống đối lập:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Không có dế chọi nộp quan trên | >< | Có dế chọi quý để nộp quan trên | | * Gia sản khánh kiệt * Bị đánh nhừ tử * Con trai suýt chết | >< | - Được trọng thưởng  - Trở nên phú quý, giàu sang |   \* **Ý nghĩa**:  - Sự đối lập giữa hai tình huống cho thấy sự vô lối của những kẻ cầm quyền khi chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, đẩy nhân dân vào cảnh cùng cực khổ đau, những vị quan thanh liêm cũng bị chèn ép nặng nề.  - Thể hiện sự phi lí, bất công trong xã hội phong kiến đương thời. Hóa ra số phận của cả một gia đình cũng chỉ được định đoạt trong một con dế bé nhỏ.  (Số phận, sự sống chết, nghèo hèn hay giàu sang của người dân thấp cổ bé họng hoàn toàn phụ thuộc vào tâm trạng hài lòng hay phật ý của giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc thời Tuyên Đức. Những tình huống gặp phải làm cho câu chuyện tăng phần hấp dẫn, khiến người đọc phải suy nghĩ về cuộc sống con người trong xã hội đương thời.) |
| **2.4. Hướng dẫn HS tìm hiểu về vai trò của những yếu tố kì ảo**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  Thảo luận theo cặp trong thời gian **03 phút:**  - Chỉ ra các yếu tố kì ảo trong tác phẩm.  - Các yếu tố kì ảo có ý nghĩa, vai trò gì trong truyện?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **4. Vai trò của những yếu tố kì ảo**  **- Các yếu tố kì ảo trong truyện:**  + Chi tiết bà đồng bói toán chỉ dẫn vợ chồng Thành nơi có thể bắt con dế.  + Sự việc sau khi làm chết con dế quý của cha, đứa con trai chín tuổi của Thành đã chết đuối dưới giếng, nhưng lại sống lại, thần thái ngây ngốc; hồn hóa thân thành con dế giúp cha thoát nạn; hơn một năm sau bình phục.  - **Ý nghĩa, vai trò của các yếu tố kì ảo:**  + Làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn, tạo màu sắc truyền kì cho câu chuyện.  + Các yếu tố kì ảo làm phát triển mạch truyện, đẩy câu truyện trở nên cao trào và tập trung tháo gỡ bế tắc của nhân vật.  + Góp phần phản ánh hiện thực trong tác phẩm cũng như thái độ của tác giả: phê phán hiện thực xã hội đương thời với bao bất công; vì chiều theo thú vui của giai cấp thống trị mà gây ra bao sóng gió cho người dân hiền lành lương thiện. |
| **2.5. Hướng dẫn HS tìm hiểu về bức tranh hiện thực và thái độ của tác giả**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Tính chất hiện thực của truyện được thể hiện qua những chi tiết, sự việc nào? Qua đó, tác giả muốn phản ánh hiện thực nào?  **-** Nhận xét về thái độ của tác giả khi miêu tả hiện thực đó?  - Phân tích ý nghĩa của lời bình cuối truyện.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | **5. Bức tranh hiện thực và thái độ của tác giả**  **\*Bức tranh hiện thực:**  - Bối cảnh câu chuyện: Đời Tuyên Đức nhà Minh  - Các chi tiết, sự việc thể hiện tính hiện thực của truyện:  + Trong cung rất chuộng trò chơi chọi dế nên hàng năm bắt dân gian cống nộp.  + Vì muốn lấy lòng quan trên cho nên Tri huyện Hoa Âm (Thiểm Tây) đem hiến 1 con, quan chơi thử thấy hay đòi dâng nộp thường xuyên. Tri huyện lại đòi lí trưởng…(cứ theo cấp bậc để truyền lệnh cống nạp). Dân chúng bị bọn lí dịch sách nhiễu dâng nộp dế đến khuynh gia bại sản.  + Thành vốn người chất phác, ít nói, cho nên bị bọn lí dịch gian giảo phải giữ chân lí chính trong làng. Tuy muôn phương nghìn kế chối từ mà vẫn không thoát. Mới chưa đầy một năm mà cái gia sản nhỏ mọn của anh ta cơ hồ đã kiệt.  + Không có dế nộp lên quan trên, Thành bị trách phạt, bị lôi ra đánh nhừ tử.  + Nhưng cũng vì có con dế  hay dâng vua mà Thành được miễn sai dịch, được cho đỗ tú tài, lại được quan tỉnh trọng thưởng. Con dế quý đã giúp anh lí chính hiền lành “thành danh”, vượt cả bậc quyền quý.  => **Nhận xét**: Chỉ một câu chuyện dâng dế chọi lên vua mà phản ánh được cả bộ mặt của giai cấp thống trị tàn bạo, lộng quyền, ăn chơi sa đoạ và những thảm cảnh mà nhân dân lao động phải chịu đựng. Một con dế chọi có thể mang đến thảm kịch cho một gia đình, một tỉnh nhưng cũng có thể mang vinh hoa phú quý đến cho cả một gia đình, cả một bè lũ quan lại từ trên xuống dưới. Câu truyện đã phơi bày bộ mặt xã hội đen tối của xã hội đương thời với bao bất công, ngang trái, mà ở đó việc “đạp xuống đưa lên” là chuyện bình thường.  **\*Thái độ của tác giả:**  **-** Phê phán chế độ phong kiến đương thời khi mà giai cấp thống trị lộng quyền, chà đạp lên cuộc sống người dân vô tội để thỏa mãn thú vui.  - Đồng cảm, xót thương cho số phận của người dân nhỏ bé.  \***Lời bình ở cuối truyện**:  - Bàn về sự đổi thay số phận của gia đình Thành, khánh kiệt hay vinh hoa cũng phụ thuộc vào dế chọi. Nhờ tính cách chất phác, tử tế, không sách nhiễu dân chúng dù làm lí chính nên được trời đền đáp trọng hậu.  - Ngầm phê phán hiện thực xã hội bất công, quan lại sâu mọt gây họa cho dân, nắm trong tay quyền sinh quyền sát khiến dân chúng khó lòng sống yên ổn. |

**Nhiệm vụ 3. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu:  1. Phát biểu chủ đề của tác phẩm.  2. Khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.  3. Phân tích lời người kể chuyện trong đoạn văn từ “Thành giở đi giở lại” đến “kì hạn nộp quan”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn.   * - GV theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức.  Dự kiến sản phẩm  Ý 3. Lời người kể chuyện trong đoạn văn này nói về việc sau khi được bà đồng chỉ lối, Thành đã đi tìm con dế và tìm được con dế trông rất to khỏe. Trong đoạn này, lời người kể chuyện ở ngôi thứ ba, vừa miêu tả cảnh vật, vừa kể sự việc, vừa thể hiện suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật Thành từ lúc đi bắt dế đến lúc bắt được con dế đúng ý thì nâng niu chăm sóc chu đáo. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Chủ đề**  **-** Phê phán xã hội phong kiến đương thời với nhiều bất công, vô lí, giai cấp thống trị nhũng nhiễu nhân dân.  - Cảm thông với số phận nhỏ nhoi của người dân lương thiện.  **2. Đặc sắc về nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính.  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện.  - Lời người kể chuyện ngôi thứ ba, vừa miêu tả cảnh vật, vừa kể sự việc, vừa thể hiện suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: Hệ thống kiến thức tác phẩm.

**b. Nội dung**: Câu hỏi tự luận .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. NV1: Trả lời câu hỏi 6 (SGK/ tr 22)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Nêu những đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong truyện *Dế chọi.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS trả lời.

Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Dự kiến sản phẩm học tập**

\*HS bám sát các đặc điểm của thể loại truyện truyền kì để trả lời:

* *Yếu tố kì ảo*
* *Cốt truyện*
* *Nhân vật*
* *Không gian, thời gian*
* *Ngôn ngữ*

\*HS có thể rút ra những đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong truyện *Dế chọi* như sau:

- *Các yếu tố kì ảo trong truyện*: chi tiết bà đồng bói toán; chi tiết cậu con trai 9 tuổi của Thành chết đuối, không chết nhưng hồn hóa thành con dế, sau 1 năm thì bình phục bệnh.

- *Cốt truyến*: các sự kiện sắp xếp theo trật tự tuyến tính, có quan hệ nhân quả.

- *Nhân vật:* Nhân vật chính là Thành. Ngoài ra có các nhân vật phụ khác có nét kì lạ như bà đồng bói toán, con trai Thành.

- *Không gian, thời gian*: có yếu tố xác thực, cụ thể (đời Tuyên Tông nhà Minh; ở huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây) 🡪 khiến người đọc ấn tượng là câu chuyện có thực; gây tò mò cho người đọc.

- *Ngôn ngữ:* có sử dụng một số điển tích, điển cố, ví dụ như: *ngọc báu liên thành; một người lên trời, gà chó cũng thành tiên.*

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, qua đó khắc sâu đặc trưng thể loại cho HS.

**2. NV2: Viết kết nối với đọc**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu nhận xét của em về tính chất kì ảo của truyện *Dế chọi.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* GV hướng dẫn HS viết đoạn văn, cung cấp bảng kiểm**.**

- HS làm việc cá nhân, hoàn thành đoạn văn.

***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu. | |  |  |
| **2** | | Đoạn văn đúng chủ đề: Nhận xét về tính chất kì ảo của truyện *Dế chọi.*   * *Tính chất kì ảo của truyện Dế chọi được thể hiện qua các yếu tố (chi tiết, sự việc) nào?* * *Vai trò, ý nghĩa của các chi tiết kì ảo trong truyện.* |  |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. | |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. | |  |  |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV gọi một số HS báo cáo sản phẩm

Các HS khác lắng nghe, dựa vào bảng kiểm để nhận xét đoạn văn của bạn.

**Dự kiến sản phẩm học tập**

Một trong những yếu tố làm nên sự hấp dẫn, lôi cuốn và thành công cho truyện *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh) là tính chất kì ảo của tác phẩm. Tính chất kì ảo của truyện được tạo nên bởi các yếu tố kì ảo. Đầu tiên phải kể đến sự việc cô đồng đưa bức tranh cho gia đình Thành để đi tìm con dế cứu mạng gia đình, nhờ đó mà Thành như được sống lại, gia đình Thành có hi vọng được sống yên ổn. Sau đó là sự việc đau lòng đứa con của Thành nhảy xuống giếng và bị chết đuối. Tuy nhiên tác giả không chỉ để dừng lại đó mà lại sử dụng tiếp yếu tố kì ảo qua việc cho đứa con trai sống dậy, sau đó thằng bé hóa thân vào con dế, nhờ đó mà gia đình Thành dâng được dế quý lên quan trên. Con dế mà gia đình Thành dâng nộp trở thành con dế vô địch trong cung, đấu thắng mọi đối thủ, lại còn biết nhảy nhót theo điệu nhạc khiến vua rất hài lòng; từ đó mà gia đình Thành một bước lên mây, có cuộc sống giàu sang quyền quý. Từ những yếu tố kì ảo xuất hiện trong văn bản, chúng ta thấy được tính chất kì ảo của truyện, đó chính là phương tiện nghệ thuật được tác giả sử dụng để tạo nên màu sắc li kì, hấp dẫn cho tác phẩm. Đằng sau tính chất kì ảo đó, nhà văn không chỉ phản ánh bức tranh hiện thực về một xã hội tàn bạo, ở đó giai cấp thống trị lộng quyền gây ra bao đau thương cho người dân hiền lành lương thiện mà nhà văn còn bày tỏ tấm lòng đồng cảm với số phận người dân không quyền không thế.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, qua đó khắc sâu đặc trưng thể loại cho HS.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

**b.** **Nội dung**: HS nêu lên bài học rút ra từ văn bản.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Nhiệm vụ 1: Sân khấu hóa tác phẩm**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** GV yêu cầu HS biên kịch và nhập vai tái hiện một hoạt cảnh trong tác phẩm truyện “Dế chọi”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.

- Báo cáo sản phẩm sau 01 tuần.

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**2. Nhiệm vụ 2: Đọc mở rộng**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Đọc một truyện khác trong tác phẩm “Liêu trai chí dị” (Bồ Tùng Linh). Từ đó, ghi chép lại những đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện trong truyện mà anh/chị chọn đọc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình ở tiết sau

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và cho điểm HS.

RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Tiết 7 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT DỄ NHẦM LẪN VÀ CÁCH PHÂN BIỆT**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

Giúp HS:

- HS nhận biết được đặc điểm và hiểu được chức năng của thán từ.

- HS biết sử dụng đúng trợ từ để đạt hiệu quả trong các hoạt động viết, nói và nghe.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện, giải quyết các bài tập một cách sáng tạo, hiệu quả.

- Năng lực hợp tác trong nhóm nhỏ.

*2. Phẩm chất:*

Chăm chỉ: Chủ động, tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu đa năng, bảng phụ, giấy A0, bút màu...

**2. Học liệu:** Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối HS vào bài học.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân qua bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**Trò chơi “Vua tiếng Việt”**

Có 2 đội chơi, mỗi đội gồm 03 HS đại diện cho dãy tham gia trò chơi.

**Vòng 1:**

+ GV cung cấp 2 gói từ, mỗi gói từ gồm 3 từ khóa được sắp xếp lộn xộn các chữ cái, HS mỗi đội chơi phải xếp lại thành từ có nghĩa.

**+** Sau khi chọn gói từ, lần lượt mỗi HS trong đội chơi trả lời 1 từ khóa. Mỗi đội chơi có tối đa 3 phút để giải mã xong 03 từ khóa trong gói từ.



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Gói từ thứ nhất (Đội chơi 1)** | | **Gói từ thứ hai (Đội chơi 2)** | |
| n/T/ử/ạ/n | Tử nạn | t/ẫ/M/u/ử | Mẫu tử |
| đ/C/ô/ộ/c/ | Cô độc | g/i/ộ/c/Đ/ả | Độc giả |
| B/ậ/t/ả/v/o | Bảo vật | B/ệ/ả/v/o | Bảo vệ |

**Vòng 2: Giải nghĩa các yếu tố Hán Việt trong tử khóa tìm được**

**Yêu cầu:** GV yêu cầu HS các đội chơi giải thích nghĩa của các yếu tố Hán Việt được gạch chân trong từ Hán Việt tìm được của đội mình.

Gợi ý

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ Hán Việt** | **Nghĩa của yếu tố Hán Việt được gạch chân** |
| Tử nạn | *tử* ở đây có nghĩa là chết, hi sinh tính mạng. |
| Mẫu tử | *tử* ở đây có nghĩa là con, trẻ con. |
| Cô độc | *độc* ở đây có nghĩa là một mình, lẻ loi. |
| Độc giả | *độc* ở đây có nghĩa là đọc chữ, đọc sách. |
| Bảo vật | *bảo* ở đây có nghĩa là quý. |
| Bảo vệ | *bảo* ở đây có nghĩa là chăm sóc, giữ gìn. |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

* Các đội chơi lên phía trên bảng tham gia trò chơi.
* HS phía dưới theo dõi, làm giám khảo.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng kết trò chơi, dẫn dắt vào bài.

**GV dẫn vào bài mới:** Như các em thấy, trong lớp từ Hán Việt có không ít từ đồng âm (cùng âm đọc, cùng cách viết trong chữ quốc ngữ) nhưng lại có nghĩa hoàn toàn khác nhau. Vậy cách nhận biết các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa đó như thế nào thì chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a**. **Mục tiêu**: HS biết cách nhận biết và phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, cặp bàn để thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **1. HS trả lời nhanh các câu hỏi trắc nghiệm sau:**  **Câu 1.** Trong tiếng Hán, các yếu tố đồng âm dễ dàng được phân biệt bằng cách nào?   1. Phân biệt bằng những chữ viết khác nhau. 2. Phân biệt bằng ý nghĩa khác nhau. 3. Phân biệt bằng cách đọc khác nhau. 4. Phân biệt bằng nguồn gốc các chữ viết.   Đáp án A.  **Câu 2**. Trong lớp từ Hán Việt ở tiếng Việt hiện đại, yếu tố Hán Việt đồng âm có đặc điểm gì?  a.Có chữ viết giống nhau và ý nghĩa giống nhau.  b.Có chữ viết giống nhau những ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.  c.Có chữ viết giống nhau những ý nghĩa đối lập nhau  d.Có chữ viết khác nhau và ý nghĩa khác xa nhau  Đáp án B.  **Câu 3**. Ngoài các yếu tố Hán Việt đồng âm, còn yếu tố Hán Việt nào cũng dễ nhầm lẫn?   1. Các yếu tố Hán Việt khác âm. 2. Các yếu tố Hán Việt đối lập về nghĩa 3. Các yếu tố Hán Việt gần âm 4. Các yếu tố Hán Việt vay mượn từ ngữ Hán   Đáp án C.  **Câu 4**. Đâu là cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn?  a.Dựa vào ngữ cảnh giao tiếp  b.Tra cứu từ điển chữ Hán.  c.Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt gần âm để suy luận.  d.Tra cứu từ điển Hán Việt và dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận.  Đáp án D.  **Câu 5.** Yếu tố “thực” trong từ Hán Việt nào sau đây **không** mang nét nghĩa là *ăn*?   1. Tuyệt thực 2. Bội thực 3. Thực phẩm 4. Trung thực   (Đáp án D. *Thực* trong “Trung thực” có nghĩa là thật, thật thà)  **Câu 6.** Câu nào sau đây dùng từ Hán Việt (từ được gạch chân) đúng?  *A,Tập tài liệu này đã cứu cánh cho nhiều HS trong kì thi.*  *B,Anh ta tỏ ra bàng quan trước sự việc trên.*  C,Nói như thế là bao biện, sự thật không phải như vậy.  *D,Sự phát triển của khoa học trong nước phụ thuộc chủ yếu vào đội ngũ tri thức.*  Đáp án B.  + *Cứu cánh*: có nghĩa là “mục đích”. Sửa lại câu: *Tập tài liệu này đã* ***cứu giúp*** *cho nhiều HS trong kì thi.*  + *Bàng quan*: chỉ việc làm ngơ, đứng ngoài cuộc với thái độ thờ ơ, coi như không dính líu gì đến mình.  + Bao biện: có nghĩa là “ôm đồm làm cả việc thuộc phận sự của người khác, khiến người có trách nhiệm không phát huy được sáng kiến. Sửa lại câu: Nói như thế là **ngụy biện**, sự thật không phải như vậy.  + *tri thức:* có nghĩa là “kiến thức, hiểu biết nói chung”. Sửa lại câu: *Sự phát triển của khoa học trong nước phụ thuộc chủ yếu vào đội ngũ* ***trí thức.***  => Sử dụng sai từ Hán Việt là do nhầm lẫn về nghĩa của các yếu tố Hán Việt gần âm.  **2. HS dựa vào SGK, trao đổi nhanh theo cặp để trả lời các câu hỏi sau**:   * *Trong lớp từ Hán Việt, có những yếu tố Hán Việt nào dễ nhầm lẫn? Lấy ví dụ.* * *Chỉ ra các cách để phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.*   **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận theo cặp. * GV động viên, quan sát.   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:   * Đại diện một số cặp trình bày kết quả. * Các HS khác nhận xét, bổ sung.   **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và chuẩn hoá kiến thức. | I. LÝ THUYẾT: SỰ KHÁC BIỆT VỀ NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT DỄ NHẦM LẪN  **1. Nhận biết một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn**  **- Các yếu tố Hán Việt đồng âm:** đồng âm (cùng cách đọc, cách viết trong tiếng Việt hiện đại) nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau.  Ví dụ: *bảo1*: chăm sóc, giữ gìn (*bảo vệ, bảo dưỡng, bảo tàng,.*..)  *bảo2:* quý (*gia bảo, bảo vật, bảo kiếm*,...)  - **Các yếu tố Hán Việt gần âm**: gần nhau về cách đọc, cách viết trong tiếng Việt hiện đại, nhưng nghĩa khác nhau.  Ví dụ: *tri* trong *tri thức*: có nghĩa là biết.  *trí* trong *trí thức*: có nghĩa là khả năng nhận thức, hiểu biết.  **2. Cách phân biệt nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn**  - Dựa vào từ có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để suy luận.  - Dựa vào việc tra cứu từ điển. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức để thực hiện các nhiệm vụ HT.

- NL giao tiếp và hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi, nhóm.

**b. Sản phẩm:** Trả lời các bài tập 1, 2, 3, 4 (SGK/ tr. 23).

### c. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thực hành bài tập 1, 2 (Tr.22 - 23 SGK )**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Thảo luận nhóm trong 5 phút:  - **Nhóm 1, 2:** Bài tập 1 (Tr 22/SGK): Phân biệt nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong mỗi trường hợp.  - **Nhóm 3, 4**: Bài tập 2 (Tr 23/ SGK): Tìm một từ Hán Việt có yếu tố đồng âm khác nghĩa với yếu tố được in đậm trong các câu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | 1. **Bài tập 1 (Tr.22/ SGK )**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Từ Hán Việt** | **Nghĩa của yếu tố Hán Việt đồng âm** | | **a** | *Sinh thành* | Sinh1: đẻ ra | | *Sinh viên* | Sinh2: người học | | **b** | *Bá chủ* | Bá1: chiếm giữ, cát cứ | | *Nhất hô bá ứng* | Bá2: trăm, số nhiều. | | **c** | *Đồng bào* | Bào1: màng bọc thai/ Chỉ người cùng một nước hoặc cùng một dân tộc | | *Chiến bào* | Bào2: áo | | **d** | *Công bằng* | Bằng1: đều, giống nhau. | | *Bằng hữa* | Bằng2: bạn bè |   **2. Bài tập 2 (Tr 23/SGK)**  Một từ Hán Việt có yếu tố đồng âm khác nghĩa với yếu tố được in đậm trong các câu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Nghĩa của yếu tố Hán Việt được in đậm** | **Từ Hán Việt có yếu tố đồng âm khác nghĩa** | | a | **Kinh** ngạc (kinh1: sợ hãi, giật mình. | **Kinh đô** (kinh2: nơi vua đóng đô)  **Kinh sách** (kinh3: sách vở có giá trị)  **Kinh doanh** (kinh4: làm, mưu tính) | | b | **Kì** lạ (kì1: ít thấy, đặc biệt, không giống xung quanh) | **Quốc kì** (kì2: cờ, lá cờ)  **Kì vọng** (kì3: trông chờ, mong mỏi)  **Học kì**, **kì hạn** (kì4: một khoảng thời gian) | | c | Đa **nghi** (nghi1: ngờ vực, không tin tưởng) | **Lễ nghi, nghi thức** (nghi2: hình thức, cách làm thông thường)  **Uy nghi** (nghi3: dáng vẻ, dung mạo)  **Nghi gia nghi thất** (nghi4: nên) | | d | Tỉnh **ngộ** (ngộ1: hiểu ra, vỡ lẽ, biết) | **Hội ngộ** (ngộ2: gặp, đối mặt nhau) | |
| **Thực hành bài tập 3 (Tr.23/ SGK )**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân.  **Yêu cầu:** Đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một từ tìm được ở bài tập 2.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3. Bài tập 3 (Tr 23/SGK)**  - Huế là từng là **kinh đô** của nước ta thời nhà Nguyễn.  - Khoảnh khắc được hát vang Quốc ca dưới lá **quốc kì** là một trong những khoảnh khắc thiêng liêng với mỗi người dân yêu nước.  *Hoặc* Tôi luôn cố gắng để không phụ **kì vọng** của cha mẹ.  - Dáng vẻ **uy nghi** của ông làm cho người đối diện phải khiếp sợ.  - Mỗi dịp họp lớp đầu năm mới là cơ hội để bạn bè được **hội ngộ.** |
| **Thực hành bài tập 4 (Tr.23/ SGK )**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **HS thảo luận theo cặp:**  **Yêu cầu:** Tìm hiểu nghĩa của các yếu tố Hán Việt bị dùng sai để chỉnh sửa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo bàn.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **4. Bài tập 4 (Tr 23/SGK)**  a. Mỗi tác phẩm văn học là một ***chính thể***, trong đó, các bộ phận có quan hệ với nhau rất chặt chẽ.  b. Trên thế giới có nhiều hình thức tổ chức nhà nước, thể hiện sự đa dạng về ***chỉnh thể.***  **Gợi ý**  ***Chính thể***: yếu tố ***chính***có nghĩa là việc của nhà nước, chính trị.  ***Chỉnh thể***: yếu tố ***chỉnh*** có nghĩa là nguyên vẹn.  =>Sửa lại các từ dùng sai trong các câu do nhầm lẫn các yếu tố Hán Việt gần âm.   a. Thay thế *chính thể* bằng ***chỉnh thể*** *(*một khối thống nhất không thể tách rời).  b. Thay thế *chỉnh thể* bằng ***chính thể*** *(*dùng để chỉ một chế độ chính trị, cách thức tổ chức nhà nước). |
| **Thực hành bài tập 5 (Tr.24/ SGK )**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **HS thảo luận theo cặp:**  **Yêu cầu:** Nghĩa của từ **cải biên** khác với nghĩa của từ **cải biến** như thế nào? Điều gì tạo nên sự khác nhau về nghĩa giữa hai từ đó?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo bàn.  - GV quan sát, động viên, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **5. Bài tập 5 (Tr 24/SGK)**   - Nghĩa của hai từ khác nhau:  + ***cải biên:***sửa đổi hoặc biên soạn lại cho phù hợp với yêu cầu mới.  + ***cải biến:***làm cho thay đổi khác trước rõ rệt  - Điều tạo nên sự khác nhau giữa hai từ là hai yếu tố Hán Việt gần âm nhưng nghĩa khác nhau “biên” (sắp xếp, tổ chức lại) và “biến” (thay đổi, biến đổi) |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a**. **Mục tiêu**: HS vận dụng hiểu biết về thán từ để làm bài tập vận dụng.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, để giải quyết bài tập vào vở.

**c. Sản phẩm:** Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Sưu tầm một số yếu tố Hán Việt đồng âm hoặc gần âm mà khác nghĩa. Chia sẻ với bạn bè.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………

**Tiết 8,9:Đọc hiểu văn bản:**

**VĂN BẢN 3: SƠN TINH – THỦY TINH**

**- *Trích*, Nguyễn Nhược Pháp -**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

**1. Năng lực**

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

+ HS kết nối với chủ điểm của bài học 1, nhận biết được mạch tự sự của bài thơ; đặc điểm các nhân vật và tính chất kì ảo trong câu chuyện kể bằng thơ.

+ Củng cố một số kĩ năng đọc hiểu VB thơ: nhận biểt và phân tích được nét độc đáo của bài

thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.

**2*.* Phẩm chất**

Trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**Cách 1: PP vấn đáp**

*? Cụm từ “Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chính hồng mao” khiến em nhớ đến câu chuyện truyền thuyết nào trong kho tàng văn học dân gian nước ta? Theo em, những yếu tố nào làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện truyền thuyết đó?*

**Cách 2: Xem video**

GV chiếu cho HS xem video bài hát “Thủy thần” – sáng tác Bùi Hoàng Nam Đức Anh

<https://www.youtube.com/watch?v=9F3C4l9mBFg>

**Câu hỏi:** *Bài hát nói về nhân vật chính là ai? Nhạc sĩ đã lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học văn gian nào để sáng tác nên bài hát? Hình dung của tác giả về nhân vật trong bài hát có giống hoàn toàn với nhân vật trong tác phẩm văn học mà em biết không?*

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ

#### Bước 3: Báo cáo, thảo luận

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

**Gợi ý sản phẩm học tập**

**Cách 1:**

- Cụm từ “Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chính hồng mao” khiến ta nhớ đến câu chuyện truyền thuyết *Sơn Tinh – Thủy Tinh.*

*-* Có thể thấy những yếu tố làm nên sức hấp dẫn của truyền thuyết *Sơn Tinh – Thủy Tinh* là:

+ Cốt truyện đan xen yếu tố thực (yếu tố lịch sử qua nhân vật Vua Hùng thứ 18, công chúa Mị Nương) và sử dụng nhiều yếu tố kì ảo đặc sắc, hấp dẫn (phép thuật, tài năng của hai vị thần Sơn Tinh – Thủy Tinh)

+ Truyện mượn yếu tố kì ảo nhằm lí giải hiện tượng lũ lụt, thiên tai hằng năm, cũng như lòng quyết tâm chống lại thiên tai của nhân dân ta.

**Cách 2:**

+ Bài hát *Thủy thần* được nhạc sĩ Bùi Hoàng Nam Đức Anh lấy cảm hứng từ truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tình. Bài hát nói lên nỗi niềm của nhân vật Thủy Thần (Thủy Tinh) khi không có được tình yêu của Mị Nương, ôm theo vừa yêu thương vừa hận thù nơi biển khơi, chịu bao lời khen chê của nhân gian.

+ Nhạc sĩ đã dành cho nhân vật Thủy Tinh sự đồng cảm, khai thác sâu hơn những cảm xúc, tâm trạng và bi kịch tình yêu của Thủy Tinh. Đây là một hình thức sáng tạo nghệ thuật độc đáo của người nhạc sĩ.

**=> GV dẫn vào bài mới**:

*Những sáng tạo trong nghệ thuật là vô hạn. Với văn học cũng vậy, nhà thơ có thể lấy cảm hứng từ các câu chuyện để sáng tác nên những tác phẩm thơ của mình, mượn những chất liệu của văn xuôi để sáng tạo nên tác phẩm trữ tình. Và bài thơ “Sơn Tinh – Thủy Tinh” của Nguyễn Nhược Pháp là một sáng tạo như thế.*

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS tìm hiểu các kiến thức chung về tác giả và văn bản.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin để tìm hiểu về tác giả Nguyễn Nhược Pháp và văn bản “Sơn Tinh – Thủy Tinh”.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Đọc và khám phá chung về văn bản**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS đọc VB: Giọng điệu linh hoạt, phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật trong bài thơ.  - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi một HS đọc, rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó: *bắt quyết, lổm cổm, lửa hồng nhuốm sương,* …  - **Thảo luận theo cặp trong 03 phút- hoàn thành Phiếu học tập 01:**   |  | | --- | | **Phiếu học tập 01: Đọc – khám phá chung** | | **1. Nêu một số hiểu biết về nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp.** | | **2. Tìm hiểu chung về bài thơ *Sơn Tinh – Thủy Tinh***:  a. Nêu xuất xứ của văn bản**.**  b. Xác định thể thơ của văn bản  c. Xác định PTBĐ chính của văn bản.  d. Nêu bố cục của văn bản |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc VB.  - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu.  - HS thực hiện.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 số cặp trình bày sản phẩm thảo luận.  - Nhóm khác nghe, bổ sung  **Bước 4. Đánh giá, kết luận** | **I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tác giả Nguyễn Nhược Pháp**  **nguyen-nhuoc-phap-tre**  **-** Nguyễn Nhược Pháp (1914 – 1938), quê ở Hà Nội.  - Thuộc thế hệ các nhà thơ mới.  - Sáng tác của ông thuộc nhiều thể loại (kịch, truyện ngắn, thơ) nhưng người đọc biết đến ông nhiều hơn cả ở tư cách nhà thơ.  - Tác phẩm thơ tiêu biểu: *Ngày xưa, Chùa Hương, Tay ngà, Sơn Tinh – Thủy Tinh,...*  **3. Bài thơ *Sơn Tinh – Thủy Tinh***  **a. Xuất xứ**: In trong tập “Hoa một mùa”, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2018.  **b. Thể thơ**: 7 chữ  **c. PTBĐ chính:** tự sự (Cả bài thơ là câu chuyện được kể bằng thơ)  **d. Bố cục: 02 đoạn**  - ***Đoạn 1*** (I): Vua Hùng thứ 18 kén rể và màn so tài giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.  - ***Đoạn 2*** (III): Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh và cuộc trả thù hằng năm của Thủy Tinh.  (*Đoạn trích trong SGK đã lược đi phần II của bài thơ. Phần II này kể lại sự việc Sơn Tinh đem lễ vật đến sớm và được rước dâu; Thủy Tinh đến sau, không cưới được Mị Nương nên tức giận.)* |

**2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá chi tiết văn bản**

**a. Mục tiêu :**

- Phân tích được những nét độc đáo về cốt truyện của câu chuyện được kể trong bài thơ so với truyền thuyết cùng tên; cách xây dựng nhân vật và tính chất kì ảo trong câu chuyện được kể bằng thơ này.

- Củng cố một số kĩ năng đọc hiểu VB thơ: nhận biểt và phân tích được nét hấp dẫn của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố kì ảo.

**b. Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời cá nhân, PHT.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu về cốt truyện và cách kể**  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  **Thảo luận theo cặp, hoàn thành PHT số 02 sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT số 02: So sánh cốt truyện và cách kể** | | | | **So sánh** | **Truyền thuyết** | **Bài thơ** | | **Giống nhau** |  | | | **Khác nhau** | | | | *Cốt truyện* |  |  | | *Cách kể* |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi đại diện một số cặp trả lời.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức | **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT**  **1. Cốt truyện và cách kể**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Truyền thuyết** | **Bài thơ** | | **Giống nhau** | Giống nhau về **cốt truyện**: Đều gồm các sự kiện được sắp xếp theo trình tự thờ gian tuyến tính, có quan hệ nhân quả:  **+** Vua Hùng thứ 18 kén rể và màn so tài giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.  + Sơn Tinh đem lễ vật đến sớm và được rước dâu; Thủy Tinh đến sau, không cưới được Mị Nương nên tức giận. *(Đoạn trích thơ ở SGK đã lược bớt sự kiện này).*  + Cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh - Thủy Tinh và cuộc trả thù hằng năm của Thủy Tinh. | | | **Khác nhau về cách kể** | | | | *Cách kể* | - Chỉ có lời của người kể chuyện ngôi thứ ba  - Sử dụng PTBĐ chính là tự sự, ít yếu tố miêu tả. | - Ngoài lời của người kể chuyện, còn có lời của nhân vật (lời nói trực tiếp của Mị Nương);  - Có cả lời bình về sự việc của người kể chuyện (thành phần phụ chú, chêm xen trong ngoặc đơn: *Vui chỉ mê xinh ai mới hiểu; Giọng kiêu hay buồn không ai hiểu/ Nhưng thật dễ thương)*  *-* Ngoài PTBĐ chính là tự sự, bài thơ còn sử dụng nhiều yếu tố miêu tả, đan xen yếu tố biểu cảm.  + Miêu tả kĩ ngoại hình, hành động và cảm xúc của Mị Nương; miêu tả kĩ ngoại hình và tài năng của 2 vị thần ST, TT; miêu tả rõ tâm trạng vui sướng của ST khi lấy được Mị Nương; miêu tả kĩ trận giao tranh ác liệt, gây cấn của 2 vị thần với sự tham gia của cả muôn loài trên cạn, dưới nước.  + Yếu tố biểu cảm (miêu tả cảm xúc của người kể chuyên: *Hay đâu thần tiên đi lấy vợ!;* cảm xúc của Mị Nương: *Ôi! Vì ta!*) | |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu về nhân vật**  Sơn Tinh, Thủy Tinh tân truyện | Chu Mộng Long  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV chia lớp thành 04 nhóm, thảo luận theo kĩ thuật Khăn trải bàn trong thời gian 05 phút, hoàn thành PHT:  + **Nhóm 1, 2:** Hoàn thành **PHT 03** (Tìm hiểu về hai vị thần Sơn Tinh – Thủy Tinh)   |  | | --- | | **PHT 03**: **Tìm hiểu về hai vị thần Sơn Tinh – Thủy Tinh** | | 1. Ngoại hình và tài năng của hai vị thần có gì đặc biệt?   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Sơn Tinh** | **Thủy Tinh** | | Ngoại hình | .... | .... | | Phương tiện di chuyển |  |  | | Phép thuật | .... | .... | | Nhận xét chung về hai vị thần:  ........................................... | | | | | 2. Theo em, người kể chuyện có bộc lộ thái độ thiên vị đối với nhân vật nào không? Dựa vào đâu em kết luận như vậy? |   + **Nhóm 3, 4**: Hoàn thành **PHT 04**  (Tìm hiểu về nhân vật Mị Nương)   |  | | --- | | **PHT 04: Tìm hiểu về nhân vật Mị Nương** | | 1. Liệt kê những chi tiết miêu tả Mị Nương   |  |  | | --- | --- | | Ngoại hình |  | | Lời nói, hành động |  | | Cảm xúc, thái độ |  | | | 2. Nhận xét về nhân vật  Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về nhân vật Mị Nương? |   **GV có thể giao nhiệm vụ hoàn thành PHT 03, 04 theo nhóm trước tiết học. Trong giờ học thì lên báo cáo sản phẩm.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm để hoàn thành PHT số 03, 04 theo phân công.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + GV gọi đại diện nhóm 1, 3 lên báo cáo sản phẩm học tập.  + Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện cho nhóm 1; nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện cho nhóm 3.  + HS các nhóm nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức | **2. Tìm hiểu về các nhân vật**  **2.1. Hai vị thần Sơn Tinh – Thủy Tinh**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Sơn Tinh** | **Thủy Tinh** | | **Ngoại hình** | có một mắt ở trán | râu ria quăn xanh rì | | **Phương tiện di chuyển** | phi bạch hổ trên cạn | cưỡi lưng rồng uy nghi | | **Phép thuật** | “*Vung tay niệm chú, núi từng dải/ Nhà lớn, đồi con lổm cổm bò ... chạy mưa*”.  🡪 có thể ngăn cản, chống lại sức mạnh của lũ lụt | “*Bắt quyết hô mây to nước cả/ Giậm chân rung khắp làng xung quanh*”.  🡪có thể hô mưa gọi gió, khiến lũ lụt cuốn trôi mọi thứ. |   **=> Nhận xét:**  **-** Cả hai vị thần đều tài giỏi, có phép thuật phi thường, ngang tài ngang sức 🡪 Vua Hùng khó lựa chọn ai làm rể.  - **Nghệ thuật**:  + Phép liệt kê, giọng điệu ngợi ca.  + Sử dụng các yếu tố kì ảo khi miêu tả phép thuật của hai thần.  + Lời thơ giản dị, mộc mạc  - **Thái độ của người kể chuyện**: Người kể chuyện không bộc lộ thái độ thiên vị đối với nhân vật nào cả. Cả hai vị thần đều được miêu tả song hành với nhau về ngoại hình lẫn tài năng phép thuật; đều được miêu tả với thái độ ca ngợi, ngưỡng mộ. Vì ai cũng xứng đáng làm rể vua Hùng nên vua mới đưa ra thử thách: Thần nào mang lễ vật đến trước sẽ được vua gả nàng Mị Nương cho.  **2.2. Nhân vật Mị Nương**  **- Ngoại hình:** xinh như tiên trên trần (*Tóc xanh, má hây hây đỏ, miệng thắm như san hô, tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ*)  **- Lời nói, hành động:**  + Khép nép như cành hoa, tâu xin vua cha tùy quyền sắp đặt hôn lễ.  + Khi biết Thủy Tinh đuổi theo giao tranh với Sơn Tinh: nàng tung bức rèm đỏ thắm nhìn xung quanh, kêu trong nước mắt: “*Ôi! Vì ta*”.  **- Cảm xúc, thái độ:**  + Nàng kinh hãi ôm vua Hùng khi Thủy Tinh thể hiện phép thuật hô mưa to gió lớn  + Nàng kinh hãi khi chứng kiến màn giao tranh của hai vị thần với sự tham gia của muôn loài trên cạn, dưới nước chỉ vì mình.  **=> Nhận xét:**  - Nàng Mị Nương hiện lên trong bài thơ là một nàng công chúa với sắc đẹp khiến bao người mê đắm.  - Nàng cũng là một người vô cùng hiểu chuyện (làm theo đạo lí truyền thống “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”)  - Nàng còn là cô công chúa có tấm lòng lương thiện khi mà chứng kiến cảnh giao tranh ác liệt giữa hai vị thần, nàng lo lắng và nhận lỗi do mình.  - Qua nhân vật Mị Nương, nhà thơ bày tỏ sự yêu mến nàng công chúa; bày tỏ thái độ phê phán sự ghen tuông mù quáng trong tình yêu dẫn đến những hậu quả nặng nề.  - **Nghệ thuật:**  + So với truyền thuyết thì nàng Mị Nương trong bài thơ của Nguyễn Nhược Pháp được miêu tả chi tiết hơn về cả ngoại hình lẫn hành động, lời nói, tâm trạng.  + Nàng Mị Nương trong bài thơ hiện lên không chỉ là một nhân vật chức năng như trong tác phẩm văn học dân gian mà còn được khai thác ở chiều sâu nội tâm để thể hiện tình cảm, thái độ của nhà thơ. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thao tác 3: Tìm hiểu về cuộc giao tranh giữa hai vị thần**  Truyền Thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh”  **Bước 1:**  **Chuyển giao nhiệm vụ**  - Thảo luận theo cặp đôi trong bàn trong thời gian 03 phút, hoàn thành **PHT số 05** tìm hiểu cuộc giao tranh giữa hai vị thần.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHT số 05**: **Tìm hiểu cuộc giao tranh giữa hai vị thần** | | | | **So sánh** | **Phía Thủy Tinh** | **Phía Sơn Tinh** | | Thái độ |  |  | | Các loài tham gia giao tranh |  |  | | Nghệ thuật miêu tả |  | |   - HS trả lời cá nhân: *Phân tích một chi tiết trong cuộc giao tranh giữa hai vị thần gây ấn tượng mạnh đối với em.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ cá nhân và thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi đại diện một số cặp trả lời.  + Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **3. Cuộc giao tranh giữa hai vị thần**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **So sánh** | **Phía Thủy Tinh** | **Phía Sơn Tinh** | | Hành động, thái độ | - Cưỡi lưng rồng hung hăng  - Thủy Tinh ghen nên nổi giận, làm biển cả dậy sóng. | - Cưỡi bạch hổ giương oai  - Niệm chú, làm phép thần thông, chống đỡ lại Thủy Tinh. | | Các loài tham gia giao tranh | *Cá voi quác mồm; cá mập quẫy đuôi nhe răng; cua giơ càng như mác; tôm kềnh chạy quắp đuôi lao xao* | *Hùm, voi, báo đuôi quắp, nhe nanh, giơ vuốt, đạp đất gầm*. | | Quang cảnh cuộc giao tranh | *Sóng vỗ reo sấm, sóng cả gầm reo lăn như chớp; mây đen bay mù mịt; sấm ran chớp động lòe xanh; tôm cá dưới biển kêu thất thanh.* | | | Nghệ thuật miêu tả | + Nghệ thuật liệt kê tăng tiến tạo không khí giao tranh ác liệt giữa hai vị thần.  + Sử dụng yếu tố kì ảo (các loài trên cạn, dưới nước tham gia cuộc giao tranh; phép thuật của hai thần).  + Sử dụng nhiều từ láy tượng hình (*lởm chởm, xông xáo, hăm hở, mù mịt*), từ láy tượng thanh (*xôn xao, thin thít*); các phép so sánh (sóng cả...như chớp; càng cua...như mác); phép đối (*Cá voi... – Cá mập...; sấm ran- sét động*,...) | | |
| **Thao tác 4: Tìm hiểu về tính chất kì ảo trong câu chuyện được kể bằng thơ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hoạt động cá nhân:  ? *Tính chất kì ảo thể hiện như thế nào trong câu chuyện được kể bằng thơ? Cách miêu tả những yếu tố kì ảo có gì đặc sắc?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.   - GV hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **4. Tính chất kì ảo**  - Tính chất kì ảo thể hiện qua các yếu tố kì ảo sau:  + Ngoại hình khác thường của Sơn Tinh (có 3 mắt, một mắt giữa trán);  + Phương tiện di chuyển: Sơn Tinh phi bạch hổ trên cạn; Thủy Tinh cưỡi lưng rồng.  + Miêu tả phép thuật của Sơn Tinh – Thủy Tinh trong màn so tài ở phần I: Thủy Tinh hô mưa gọi gió; Sơn Tinh có phép tạo núi đồi chặn dòng nước,...  + Miêu tả cuộc giao tranh giữa hai vị thần ở phần III với sự tham gia của muôn loài trên cạn, dưới nước.  - Cách miêu tả các yếu tố kì ảo: sử dụng nhiều hình ảnh; nhiều biện pháp tu từ để miên tả (so sánh, liệt kê, đối,...); từ ngữ giàu sức gợi cảm (dùng nhiều từ láy tượng thanh, tượng hình) => Thể hiện trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ, gây ấn tượng, thu hút người đọc. |

**2.3. Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:** Tổ chức HS thảo luận cặp đôi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS .

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Kĩ thuật Think – pair – share**  **Yêu cầu**: *Theo em, điều gì làm nên sức hấp dẫn của bài thơ Sơn Tinh – Thủy Tinh? Vì sao?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân trong 02 phút * Trao đổi cặp đôi trong 03 phút   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV mời một số HS chia sẻ ý kiến trước lớp.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá khái quát những đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của bài thơ. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  **-** Cốt truyện dựa vào truyền thuyết dân gian nhưng có nhiều sáng tạo trong cách kể.  - Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo đặc sắc.  - Thể thơ 7 chữ, ngôn ngữ giàu hình ảnh.  **2. Chủ đề - ý nghĩa văn bản**  - Bài thơ lí giải hiện tượng lũ lụt hàng năm dựa trên câu chuyện tình yêu giữa ba người: nàng Mị Nương và Sơn Tinh, Thủy Tinh.  - Phê phán sự hận thù, ghen tuông mù quáng trong tình yêu dẫn đến những hậu quả nặng nề. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Tham gia trò chơi học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Nhiệm vụ 1: Cộng hưởng trí tuệ (03 phút)**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Ngồi đọc thầm lại những nội dung đã học, viết ra những câu hỏi mình chưa hiểu để trao đổi với các bạn trong lớp

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực tham gia trò chơi.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**2. Nhiệm vụ 2: Viết ngắn**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận về một chi tiết gây ấn tượng mạnh đối với em trong bài thơ “Sơn Tinh – Thủy Tinh” (Nguyễn Nhược Pháp).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS tích cực viết đoạn.
* GV động viên, khích lệ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV cung cấp bảng kiểm đánh giá đoạn văn:

***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: Cảm nhận một chi tiết ấn tượng nhất trong bài thơ “Sơn Tinh – Thủy Tinh” (Nguyễn Nhược Pháp).  + *Đó là chi tiết nào? Mô tả lại chi tiết.*  *+ Nghệ thuật xây dựng chi tiết?*  *+ Ý nghĩa của chi tiết: Chi tiết làm nổi bật vẻ đẹp gì của các nhân vật?/ Chi tiết làm nổi bật tư tưởng, tình cảm, thái độ gì của tác giả?.*.. |  |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

**b. Nội dung**: HS bày tỏ quan điểm bản thân.

**c. Sản phẩm**: Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:**

* **Nhóm 1, 2: Tập làm hoạ sĩ**

**Yêu cầu:** HS vẽ tranh minh hoạ nội dung bài thơ.

* **Nhóm 3, 4: Tập ngâm thơ**

**Yêu cầu:** HS có thể đọc/ ngâm thơ.

**Lưu ý:** GV chọn 1 số HS tiêu biểu có năng khiếu thích hợp làm nhóm trưởng, nhóm phó 2 nhóm, sau đó cho các HS khác tự nguyện đăng kí làm thành viên một trong hai nhóm.

Cố gắng cân đối thành viên hai nhóm. Nếu lớp đông, có thể mỗi nhóm lớn chia làm 2 nhóm nhỏ hơn để dễ hoạt động nhóm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập sáng tạo.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

RÚT KINH NGHIỆM

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết 10,11,12 - VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**(CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TỰ NHIÊN)** (3,0 tiết)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

- Nhận diện được kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

*2. Phẩm chất*

Trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, có trách nhiệm với thế giới tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**

**Yêu cầu:**

* GV trình chiếu hình ảnh minh họa một số hoạt động của con người tác động lên thế giới tự nhiên.

HS lần lượt quan sát hình ảnh và gọi tên những hoạt động đó của con người

Câu hỏi: *Những hình ảnh sau cho em biết hoạt động nào của con người tác động lên thế giới tự nhiên?*

|  |  |
| --- | --- |
| *khi-thai* | Rác thải nhựa trên biển - Nỗi ám ảnh của đại dương và sinh vật biển |
| **Hình ảnh 1** | **Hình ảnh 2** |
| Bình Thuận thông tin vụ nước đen như hắc ín xả ra biển | AhaForest: Những hệ lụy từ mất rừng ngày càng nghiêm trọng | Ahamove |
| **Hình ảnh 3** | **Hình ảnh 4** |

- **Kĩ thuật chia sẻ 01 phút:**

GV gọi HS chia sẻ về hậu quả của những hành động trên của con người đối với thế giới tự nhiên. (Gọi 02 HS)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**

HS trả lời và chia sẻ về hậu quả mà những hành động của con người gây ra cho thế giới tự nhiên.

**Dự kiến sản phẩm học tập:**

* **Hình ảnh 1**: Con người thải khí thải độc hại từ các nhà máy sản xuất vào khí quyển.
* **Hình ảnh 2:** Con người thải rác thải nhựa ra các sông, cuối, đại dương,...
* **Hình ảnh 3:** Con người thải chất thải độc hại từ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp,...ra nguồn nước tự nhiên.
* **Hình ảnh 4:** Con người chặt phá rừng tự nhiên, đặc biệt là các khu rừng phòng hộ đầu nguồn.
* HS có thể chia sẻ về hậu quả mà những hành động của con người gây ra cho thế giới tự nhiên: Môi trường tự nhiên sẽ bị phá hủy, gây biến đổi khí hậu toàn cầu đe dọa đến sự tồn vong của Trái Đất, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của chính con người,...

**Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới.

**=> GV dẫn vào bài mới:** Con người là một phần không thể tách rời của thế giới tự nhiên. Do đó việc bảo vệ môi trường tự nhiên là trách nhiệm của tất cả mọi người để bảo vệ cuộc sống bền vững của con người.

Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu kĩ hơn về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên để nhận thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của mình với tự nhiên, từ đó xác lập thái độ đúng đắn và biết hành động theo hướng tích cực.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu**

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

- HS hiểu được ứng dụng của bài viết nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

**b.** **Nội dung hoạt động**

GV tổ chức cho học sinh đọc và nắm những yêu cầu của một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) qua các câu hỏi trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời đúng của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc phần Yêu cầu, trang 28/SGK.  - **Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?”**  Luật chơi:  + Có 05 câu hỏi, mỗi câu hỏi chỉ xuất hiện trong thời gian 15s  + HS ghi nhanh các câu trả lời ra giấy theo hình thức cá nhân.  + GV yêu cầu HS giơ tay nhanh nhất sẽ trình bày các đáp án của mình.  + HS trình bày đến câu nào, GV trình chiếu và chốt đáp án luôn câu hỏi đó.  => **Hệ thống 05 câu hỏi:**  **Câu 1**. Vấn đề nghị luận của của kiểu bài viết là gì?  A. Tác phẩm văn học  B. Vấn đề con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước  C. Vấn đề con người trong mối quan hệ với tự nhiên  **Câu 2**. Dòng nào nêu đúng phương thức biểu đạt được sử dụng trong kiểu bài viết?  A. Thuyết minh kết hợp với các yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận.  B. Nghị luận kết hợp với các yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh.  C. Chỉ sử dụng phương thức nghị luận  **Câu 3**. Dòng nào nêu **không đúng** về đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)?  A. Trình bày được mối quan hệ hai chiều giữa con người với tự nhiên.  B. Kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ các luận điểm.  C. Ngôn ngữ cần sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học chính xác.  **Câu 4.** Dòng nào nêu **không đúng** yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)?  A Nêu rõ vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên để bàn luận.  B. Trình bày được mối quan hệ giữa con người với cộng đồng và làm sáng tỏ qua hệ thống luận điểm.  C. Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết những bất ổn trong ứng xử của con người với tự nhiên.  **Câu 5.** Điền vào chỗ chấm:  *Cần triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng ...(1)... sắc bén và ...(2).. xác thực, tiêu biểu để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận..*  (Đáp án câu 5**: (1) lí lẽ; (2) bằng chứng**)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi 01 HS trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, có thể bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức. | **I. Yêu cầu của kiểu bài**  - Nêu được **vấn đề** thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên để bàn luận.  - Trình bày được **mối quan hệ hai chiều** giữa con người với tự nhiên (trong phạm vi vấn đề nghị luận), triển khai hệ thống **luận điểm** chặt chẽ, sử dụng **lí lẽ** sắc bén, **bằng chứng** xác thực, tiêu biểu.  - Nêu được **quan điểm trái chiều** về vấn đề hoặc khía cạnh nào đó của vấn đề và phản bác một cách có cơ sở.  - Đề xuất được **giải pháp** khả thi để giải quyết những bất ổn trong ứng xử của con người với tự nhiên. |

**2.2. Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được bố cục và cách triển khai bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

**b.** **Nội dung hoạt động:**

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 28-30/ SGK.

- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

**c. Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi SGK.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  \*HS theo dõi bài viết tham khảo, các chỉ dẫn bên lề phải của bài viết.  \* GV chia lớp thành **04 nhóm**: Dựa vào phần đã chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận nhóm trong 05 phút để hoàn thành các yêu cầu sau:  **- Yêu cầu chung của cả 4 nhóm:** Hoàn thành **PHT số 01** sau:   |  |  | | --- | --- | | **PHT số 01: Tìm hiểu bài viết tham khảo**  **Văn bản “Con người đã làm gì với tự nhiên?”** | | | **Các vấn đề tìm hiểu** | **Câu trả lời** | | Vấn đề nghị luận | .................................. | | Ý kiến của người viết về vấn đề | .................................. | | Hệ thống các luận điểm được triển khai | .................................. | | Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác | .................................. | | Giải pháp đề xuất | ................................. |   **- Yêu cầu riêng mỗi nhóm:** Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng được sử dụng trong mỗi luận điểm của bài viết tham khảo:  **+** Nhóm 1:tìm hiểu luận điểm 1, 2  + Nhóm 2: tìm hiểu luận điểm 3  + Nhóm 3: tìm hiểu luận điểm 4  + Nhóm 4: tìm hiểu luận điểm 5  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS theo dõi bài viết tham khảo.  - HS thảo luận nhóm trong 05 phút để hoàn thành các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **II. Phân tích bài viết tham khảo**   |  |  | | --- | --- | | **Các vấn đề tìm hiểu** | **Nội dung** | | Vấn đề nghị luận | Mối quan hệ mật thiết giữa con người với tự nhiên. | | Ý kiến của người viết về vấn đề | Giữa con người với tự nhiên có mối quan hệ phong phú, đa chiều. Tuy nhiên không phải bao giờ con người cũng ứng xử đúng đắn với tự nhiên. | | Hệ thống các luận điểm được triển khai | * Luận điểm 1: Thể chất của con người mang tính tự nhiên. * Luận điểm 2: Tự nhiên là thế giới bao quanh con người * Luận điểm 3: Tự nhiên còn là nguồn sống của tâm hồn con người. * Luận điểm 4: Con người đã đối xử tệ bạc với tự nhiên. * Luận điểm 5: Con người phải trả giá vì đã tác động vào tự nhiên một cách thiếu khoa học | | Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác | * Quan điểm trái chiều: một số người cho rằng việc trả lại cho tự nhiên trạng thái bình thường, hợp quy luật là trách nhiệm của một số người có vị trí quan trọng trong xã hội. * Ý kiến phản bác: Trên hành tinh này, mỗi người trong chúng ta, không ai là ngoài cuộc. Mọi việc dù lớn dù nhỏ đều có thể góp phần cải thiện tình hình... | | Giải pháp đề xuất | Mỗi cá nhân cũng như cộng đồng cần có sự thay đổi, cần có trách nhiệm sống hài hòa với tự nhiên, tôn trọng và bảo vệ tự nhiên bằng những hành độn thiết thực. |   HS tự chỉ ra lí lẽ, bằng chứng trong các luận điểm của bài viết. |

**2.3. Quy trình viết**

**a. Mục tiêu:**

HS nắm được các bước đề viết một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

**b.** **Nội dung hoạt động:**

- HS theo dõi quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) (trang 31 - 33/SGK).

- HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

HS rút ra được các bước để viết một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình thực hành viết: *Để viết một bài viết cần trải qua những bước nào?*  - GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài: GV yêu cầu HS đọc một số đề tài được gợi ý trong SGK và nêu thêm một số vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người và tự nhiên.  - GV hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý:  **GV chiếu các câu hỏi trắc nghiệm ở slide ppt.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV chuẩn kiến thức cho HS.  **- GV cung cấp một số lưu ý ở bước Viết bài, Chỉnh sửa bài viết.** | **III. Quy trình viết**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  Cần quan sát thực tế đời sống hoặc nhớ lại những gì đã tiếp xúc qua từ sách báo, truyền thông…để lựa chọn đề tài đáp ứng được yêu cầu.  Ví dụ:  + Lối sống xanh và ý nghĩa của nó.  + Tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống con người.  ...  **b. Tìm ý**  Có thể tìm ý bằng cách trả lời những câu hỏi:  + *Vấn đề cần được giải quyết là gì? (nhằm xác định luận đề)*  *+ Ý kiến của em về vấn đề như thế nào? (trình bày hệ thống luận điểm)*  *+ Có thể đề xuất ý kiến nào trái ngược với ý kiến của người viết? Cần dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để phản bác?*  + *Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề?*  **c. Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý đã tìm được vào các phần theo bố cục của một bài văn nghị luận:   |  |  | | --- | --- | | ***Mở bài*** | Giới thiệu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, nêu sự cần thiết của việc bàn luận về vấn đề. | | ***Thân bài*** | - Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề.  + Luận điểm 1: Bản chất của VĐNL; quan hệ giữa con người với tự nhiên thể hiện ở vấn đề (nêu lí lẽ và dẫn chứng).  + Luận điểm 2: Mặt tích cực của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và lợi ích có thể thu được (nêu lí lẽ và dẫn chứng).  + Luận điểm 3: Mặt tiêu cực của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và hậu quả có thể gánh chịu (nêu lí lẽ và dẫn chứng).  +...   * Nêu ý kiến trái chiều và phản bác. * Đề xuất giải pháp có tính khả thi để giải quyết vấn đề. | | ***Kết bài*** | Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra. |   **2. Viết bài**  - Bám sát dàn ý, nắm vững yêu cầu về nội dung từng phần để viết bài.  - Viết Mở bài hấp dẫn; triển khai hệ thống luận điểm phần Thân bài sao cho chặt chẽ, logic; viết Kết bài gây được ấn tượng.  - Phần Mở bài, Kết bài và mỗi luận điểm trong Thân bài nên viết thành một đoạn văn.  - Chú ý liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài viết.  - Tập làm chủ thời gian trong quá trình viết bài.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  **-** Đọc lại bài viết, dựa vào yêu cầu của kiểu bài, đối chiếu với dàn ý để chỉnh sửa, hoàn thiện.  - Chú ý các tiêu chí trong Rubric đánh giá để hoàn thiện bài viết.  - Bổ sung những diễn giải cụ thể, các cứ liệu có liên quan nếu thấy chưa đầy đủ.  - Thay đổi trật tự các ý nếu thấy chưa hợp lí.  - Sửa các diễn đạt. |
| **Hệ thống các câu hỏi trắc nghiệm giúp HS tìm hiểu cách Tìm ý và Lập dàn ý:**  **Câu 1. Để tiến hành tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên), cần đặt câu hỏi nào?**   1. *Vấn đề cần được giải quyết là gì?* 2. *Ý kiến của em về vấn đề như thế nào? (trình bày hệ thống luận điểm)* 3. *Có thể đề xuất ý kiến nào trái ngược với ý kiến của người viết? Cần dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để phản bác?* 4. Tất cả các đáp án trên   **Câu 2. Dàn ý của bài viết gồm mấy phần?**  A. 2 phần  B. 3 phần  C. 4 phần  D. 5 phần  **Câu 3. Phần mở bài của văn bản nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)** **thực hiện nhiệm vụ gì?**   1. Giới thiệu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên 2. Nêu sự cần thiết của việc bàn luận về vấn đề. 3. Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra 4. Giới thiệu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, nêu sự cần thiết của việc bàn luận về vấn đề.   **Câu 4. Ý nào *không phải* nhiệm vụ của phần thân bài của văn bản nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)?**  A. Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề.  B. Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra  C. Nêu ý kiến trái chiều và phản bác.  D. Đề xuất giải pháp có tính khả thi để giải quyết vấn đề.  **Câu 5. Phần kết bài của văn bản văn bản nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) thực hiện nhiệm vụ gì?**   1. Phân tích bản chất của VĐNL; quan hệ giữa con người với tự nhiên thể hiện ở vấn đề 2. Phân tích mặt tích cực của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và lợi ích có thể thu được 3. Phân tích mặt tiêu cực của mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và hậu quả có thể gánh chịu   D. Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra | |

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)

**a. Mục tiêu:** HS thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

**b. Nội dung:** HS thực hành lập dàn ý cho đề bài cụ thể.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Đề bài:** Viết bài văn bản nghị luận về tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.

GV chia lớp thành 4 nhóm để thảo luận.

- Vấn đề nghị luận: Tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.

- Nhiệm vụ: Tìm ý và sắp xếp các ý đã tìm được vào các phần theo bố cục của một bài văn nghị luận đã lập. (Trình bày vào giấy A0)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trao đổi, thảo luận.

- GV quan sát và hỗ trợ (nếu cần thiết)

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện 1-2 nhóm học sinh trình bày trước lớp.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết)

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV gọi nhận xét đánh giá và chuẩn kiến thức.

- GV đưa ra câu hỏi Tìm ý và dàn ý tham khảo (phía dưới).

**(3) Tìm ý và lập dàn ý – Nghị luận về tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tìm ý và lập dàn ý** | *Tìm ý* | **Đặt câu hỏi và trả lời:**  1. *Vấn đề cần được giải quyết trong đề bài là gì?*  Trả lời: Cần làm rõ tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.  2. *Ý kiến cá nhân về vấn đề nghị luận như thế nào?*  Trả lời: Tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống đang là tình trạng đáng báo động hiện nay, diễn ra ở rất nhiều các quốc gia, khu vực lãnh thổ trên thế giới, gây ra nhiều hậu quả cho cuộc sống con người.  Hệ thống luận điểm để làm rõ ý kiến:  + Nước sạch là nguồn tài nguyên quý giá, có vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống con người (cả sinh hoạt và sản xuất)  + Thực trạng thiếu nguồn nước sạch và nguyên nhân gây ra thực trạng này  + Hậu quả của việc thiếu nguồn nước sạch đối với cuộc sống con người hiện nay.   * *Đề xuất ý kiến trái chiều và ý phản bác.*   *-* *Cần có giải pháp nào để giải quyết tình trạng thiếu nước sạch hiện nay?* | |
| *Lập dàn ý* | **MB** | - Giới thiệu tình trạng thiếu nguồn nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.  - Khẳng định sự cần thiết phải giải quyết tình trạng thiếu nước sạch hiện nay. |
| **TB** | \* **Triển khai các luận điểm:**  **- Luận điểm 1:** Nước sạch là nguồn tài nguyên quý giá, có vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống con người (cả sinh hoạt và sản xuất)  + Nước sạch là nguồn nước an toàn trong sinh hoạt hàng ngày và sản xuất của con người.  + Nước sạch giúp duy trì cuộc sống của con người: Nước đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người. Nước mang đến nguồn lợi ích tuyệt vời cho con người. Cơ thể con người có tới 70% trọng lượng là nước. Trong cơ thể, nước là dung môi quan trọng để các phản ứng trao đổi chất diễn ra. Nhờ đó, các cơ quan nội tạng, các hệ thần kinh của con người được hoạt động. Từ đó nước giúp duy trì sự sống của con người.  + Nước sạch cần thiết cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp (tưới tiêu cây trồng, nguồn nước cho chăn nuôi gia súc, gia cầm nuôi trồng thủy sản), hoạt động sản xuất công nghiệp, đặc biêt là công nghiệp chế biến.  - **Luận điểm 2:** Thực trạng thiếu nguồn nước sạch và nguyên nhân gây ra thực trạng này  + Tình trạng thiếu nước sạch đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới ngày càng trầm trọng.  + Nguyên nhân của thực trạng này:  ++ Chủ yếu do ô nhiễm môi trường do tốc độ đô thị hóa cùng các hoạt động công nghiệp diễn ra nhiều hơn, lượng nước thải, chất thải tăng lên.  ++ Chính sách quản lý nguồn nước chưa hiệu quả, gây lãng phí và khó khăn cho người dân.  ++ Ngoài ra còn do biến đổi khí hậu khiến cho nguồn nước ngọt tự nhiên ngày càng khan hiếm, cạn kiệt.  - **Luận điểm 3:** Hậu quả của việc thiếu nguồn nước sạch đối với cuộc sống con người hiện nay.  + Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người: Nguồn nước bị ô nhiễm, đặc biệt là ô nhiễm hóa chất sẽ khiến con người dễ bị mắc các bệnh về đường ruột, tiêu chảy, dễ mắc các bệnh về ung thư, bệnh về da, mắt…  + Ảnh hưởng tới sản xuất: Thiếu nước sạch tưới gây ra hạn hán, mất mùa,...; gây khó khăn cho sản xuất công nghiệp.  + Các sông hồ bị ô nhiễm nguồn nước làm mất mĩ quan môi trường.  **\* Nêu ý kiến trái chiều và phản bác:**  - Ý kiến trái chiều: Nhiều người cho rằng vấn đề bảo vệ nguồn nước chỉ là trách nhiệm của các nhà lãnh đạo; hay nhiều người chưa phải đối mặt với tình trạng thiếu nước sạch thì bàng quan trước vấn đề bảo vệ nguồn nước.  - Phản bác: Việc giữ gìn nguồn nước – tài nguyên chung của Trái Đất là trách nhiệm không phải của riêng ai mà là tất cả mọi người nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của nhân loại.  **\* Đề xuất giải pháp giải quyết tình trạng:**  + Quản lý nguồn nước bằng cách kiểm soát tình trạng ô nhiễm môi trường và tránh tình trạng lãng phí nước.  + Có chế tài xử phạt nghiêm các hành vi cố tình làm ô nhiễm nguồn nước.  + Tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của nước sạch.  + Áp dụng công nghệ và khoa học kỹ thuật để tăng cường quản lý và bảo vệ nguồn nước sạch. |
| **KB** | Khẳng định tầm quan trọng của nhận thức được tình trạng thiếu nước sạch và cần thực hiện các giải pháp để bảo vệ nguồn nước. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 3: TRẢ BÀI** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài .  - GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. Các HS khác căn cứ vào **bảng kiểm** để đánh giá bài viết của bạn.  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung.  - GV yêu cầu các em dựa vào **bảng kiểm** để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nhận xét các bài viết được đọc qua **bảng kiểm.**  - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo **bảng kiểm.**  - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **a. Yêu cầu của kiểu bài**  **b. Nhận xét**  - Ưu điểm:  ………….  - Hạn chế:  …………..  **c. Chỉnh sửa và hoàn thiện** |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (05 phút)

**a. Mục tiêu**: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống; biết bộc lộ quan điểm của bản thân.

**b. Nội dung**: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) tại địa phương em.

địa phương em.

**c. Sản phẩm:** Bài văn nghị luận của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV nêu nhiệm vụ:**

1. Viết bài hoàn chỉnh dựa trên dàn ý đã lập trên lớp. Kiểm tra và chỉnh sửa sau khi viết dựa trên phiếu đánh giá Rubric.

2. Viết bài văn nghị luận về vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất ở địa phương em. Yêu cầu:

+ Dung lượng: Không quá 500 từ

+ Có sử dụng kèm tranh, ảnh minh họa khi thuyết trình sản phẩm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Nộp sản phẩm vào gmail của lớp hoặc thư viện trên padlet mà GV tạo.

Bài viết xuất sắc sẽ được chia sẻ trên trang fanpage CLB Truyền thông nhà trường.

**Bước 4: Kết luận, nhận xét**

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

RÚT KINH NGHIỆM

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Học bài, nắm chắc cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

- Lưu trữ lại bài viết, bảng kiểm đánh giá vào hồ sơ cá nhân.

- GV yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: **Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).**

HS hoàn thành Phiếu chuẩn bị bài nói theo mẫu (bên dưới).

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói: Trình bày ý kiến về một một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) (HS chuẩn bị ở nhà)** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Đề tài của bài nói** (sự việc có tính thời sự để nêu ý kiến) | **...** |
| **4. Lập dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |

RÚT KINH NGHIỆM

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| **Tiết 13 - NÓI VÀ NGHE:**  **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**  **(CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TỰ NHIÊN**  (1,0 tiết) |

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

*1. Năng lực*

\*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

\*Năng lực đặc thù:

- Biết trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên); có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

*2. Phẩm chất*

- Tự tin thể hiện bản thân

- Biết lắng nghe

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Ở lớp 8, các em đã được thực hành kĩ năng nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội ở nhiều bài học.

GV yêu cầu HS điền vào bảng KWL (điền cột K, L):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột K** | **Cột W** | **Cột L** |
| Những điều đã biết về cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội | Những điều muốn biết về kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự | Những điều em học được sau tiết học |
| … | … | … |

- Theo em, phần nói và nghe tiết hôm nay có liên hệ gì với phần viết mà em đã học trong tiết trước? Nhiệm vụ học tập chúng ta cần thực hiện trong tiết học hôm nay là gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ.
* GV động viên, khuyến khích.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

1 – 2 HS trình bày câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, tổng hợp các tri thức nền của HS về cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội và ghi tóm tắt dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng phụ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột K** | **Cột W** | **Cột L** |
| Những điều đã biết về cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội | Những điều muốn biết về kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự | Những điều em học được sau tiết học |
| Để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội, chúng ta cần:  - Lựa chọn vấn đề trình bày.  - Xác định thời lượng trình bày và đối tượng người nghe để lựa chọn nội dung và cách trình bày phù hợp.  - Chuẩn bị dàn ý bài nói và các tư liệu, tranh ảnh, thiết bị hỗ trợ (nếu có).  **-** Sử dụng ngôn ngữ kết hợp nét mặt, ánh mắt, giọng điệu,… phù hợp với nội dung bài nói. | - Các bước tiến hành trình bày ý kiến?  - Cần lưu ý thêm điều gì? | (Cuối giờ học điền) |

- GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt nhiệm vụ nói và nghe trong tiết học mới: Dựa vào nội dung viết tiết trước đã thực hiện (viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết liên quan đến con người trong mối quan hệ với tự nhiên), tiết học này cô và các em sẽ học cách trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài thuyết trình trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói: Trình bày ý kiến về một một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) (HS chuẩn bị ở nhà)** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Đề tài của bài nói** (sự việc có tính thời sự để nêu ý kiến) | **...** |
| **4. Lập dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS kiểm tra chéo phần chuẩn bị bài nói ở nhà của HS theo hướng dẫn ở **Phiếu chuẩn bị bài nói.**  **-** GV mời một số HS phát biểu về những lưu ý trong bước chuẩn bị bài nói và trình bày bài nói bằng cách trả lại nhanh các câu hỏi sau:  + *Để có một bài nói trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên), em cần chuẩn bị những gì trước khi nói?*  *- Bố cục của bài nói trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì?*  *- Để bài nói thêm thu hút và thuyết phục, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào?*  *-* GV yêu cầu HS dành 5 – 7 phút để tự soát lại nội dung của Phiếu chuẩn bị bài nói.  - GV lưu ý HS khi tập luyện cần điều chỉnh dung lượng bài nói cho phù hợp với thời gian quy định, đồng thời cần chú ý cách sử dụng ngữ điệu nói, cử chỉ, điệu bộ và ánh mắt để tăng sức thuyết phục cho bài nói của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV.  - HS khác nghe, góp ý.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói; tập trình bày bài nói trước nhóm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, chuẩn kiến thức. | 1. TRƯỚC KHI NÓI  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  **- Mục đích nói:** Giúp người nghe hiểu đúng về một sự việc có tính thời sự liên quan đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên; từ đó có thái độ và hành động phù hợp.  - **Người nghe:** Những người quan tâm đến mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và vấn đề bảo vệ môi trường.  **b. Lựa chọn đề tài trình bày**  **-** Đề tài: sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).  (**Chú ý**: Cần hiểu rõ, *sự việc*là những gì đã diễn ra trong thực tế, gắn với thời gian, địa điểm, con người,...xác thực).  - Ví dụ đề tài tham khảo:  + *Một vụ xả nước thải chưa qua xử lí.*  *+ Việc khởi động một dự án bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm*,  **c. Lập dàn ý cho bài nói**  - Lập dàn ý cho bài nói theo các phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận.   |  |  | | --- | --- | | Mở đầu | Giới thiệu sự việc được trình bày. | | Triển khai | Bám sát dàn ý để trình bày nội dung theo trật tự hợp lí, giúp người nghe dễ theo dõi, nắm bắt ý kiến.  - *Bản chất của sự việc là gì?*  *- Sự việc có ảnh hưởng gì đến cuộc sống con người và sự phát triển của xã hội?*  *- Có ý kiến trái chiều nào về sự việc cần tranh luận, bác bỏ?*  *- Cần có những giải pháp nào cho sự việc?*  *- Cần có hành động gì trước thực trạng đang diễn ra?* | | Kết thúc | Nêu ý nghĩa của sự việc đã trình bày, liên hệ trách nhiệm của mỗi người. |   - Lựa chọn một số từ ngữ then chốt phù hợp với vấn đề trình bày.  **1.2.** **Tập luyện**- HS tự soát lại phần đã chuẩn bị của bài nói.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kĩ năng nói và nghe trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).

**b. Nội dung:** HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học, có chỉnh sửa sau khi tìm hiểu quy trình nói và nghe..

**c. Sản phẩm:** Phần nhận xét và đánh giá bài nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU GHI CHÉP PHẦN NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH CHẤT THỜI SỰ (CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TỰ NHIÊN)

**Đề tài bài nói:……………………………………………**

**Người nói:……………………………………………**

**Người nghe:…………………………………………..**

**\*Nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình của bài nói:** Người nghe trả lời các câu hỏi sau:

+ *Sự việc mà người nói trình bày có tính thời sự không?*

*+ Người nói có ý kiến như thế nào về sự việc có tính thời sự đó? Những ý kiến ấy có sức thuyết phục không?*

*+ Cách trình bày ý kiến của người nói có rõ ràng mạch lạc không? Các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có được sử dụng hiệu quả không?*

**\*Câu hỏi về những điểm còn băn khoăn, muốn trao đổi để làm rõ thêm:**

…………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, GV yêu cầu HS trình bày dàn ý các đề bài nói mà GV đã giao trước tiết học.  - GV yêu cầu nhóm trưởng các nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị sản phẩm của các thành viên trong nhóm và chấm chéo dàn ý bài nói của các thành viên trước tiết học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV gọi 2 HS trình bày nhanh dàn ý của mỗi đề bài nói.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời cá nhân.  Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết luận** | **III. THỰC HÀNH NÓI – SAU KHI NÓI**  **Đề tài (GV đã giao chuẩn bị trước tiết học)**  **Đề 1 (nhóm 1, 2):** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự tác động tiêu cực tới tự nhiên (*chặt phá rừng, xả nước thải chưa qua xử lí, săn bắn động vật trái phép,..*.)  **Đề 2 (nhóm 3, 4):** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự tác động tích cực tới tự nhiên (*dự án trồng cây xanh, dạ án ảo tồn động vật hoang dã,*...)  => Hướng dẫn lập dàn ý:  **Đề 1.** Trình bày ý kiến về một vụ phá rừng phòng hộ.   |  |  | | --- | --- | | Mở đầu | Giới thiệu về vụ phá rừng phòng hộ (sự việc gì, ở đâu, khi nào, do ai?) | | Triển khai | - *Bản chất của sự việc phá rừng đầu nguồn là gì?*  *- Việc phá rừng đầu nguồn gây ra những hậu quả gì cho tự nhiên và cuộc sống con người?*  *- Có ý kiến trái chiều nào xoay quanh việc phá rừng đầu nguồn cần bác bỏ?*  *- Cần có những giải pháp nào để ngặn chặn hành vi phá rừng đầu nguồn?*  *- Cần có hành động gì trước thực trạng đang diễn ra?* | | Kết thúc | Nêu ý nghĩa của sự việc đã trình bày, liên hệ trách nhiệm của mỗi người. |   **Đề 2.** Trình bày ý kiến về việc khởi động một dự án bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm.   |  |  | | --- | --- | | Mở đầu | Giới thiệu về việc khởi động một dự án bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm (sự việc gì, ở đâu, khi nào, do ai?) | | Triển khai | - *Bản chất của việc khởi động một dự án bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm là gì?*  *- Việc khởi động một dự án bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm đem lại những lợi ích gì cho tự nhiên, con người?*  *- Có ý kiến trái chiều nào xoay quanh việc bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm cần bác bỏ?*  *- Cần có những giải pháp nào để khuyến khích dự án phát triển?*  *- Cần có hành động gì góp phần bảo tồn các loài động vật hoang dã quý hiếm ?* | | Kết thúc | Nêu ý nghĩa của sự việc đã trình bày, liên hệ trách nhiệm của mỗi người. | |
| **2. Nhiệm vụ 2: Thực hành nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV mời lần lượt đại diện nhóm 1, 3 sẽ báo cáo sản phẩm bài nói.  Nhóm 2, 4 sẽ phản biện, nhận xét và đánh giá.  - GV nêu rõ yêu cầu:  + Thời gian tối đa trình bày bài nói: **03 phút**.  + Trong quá trình bạn trình bày bài nói, các HS khác lắng nghe và ghi lại nhanh các thông tin của bài nói vào Phiếu ghi chép của người nghe  + GV trình chiếu Phiếu đánh giá sản phẩm nói theo tiêu chí.  Yêu cầu cả người nói và người nghe bám sát vào các tiêu chí trong phiếu đánh giá sản phẩm nói để điều chỉnh bài nói (người nói) cũng như đánh giá bài nói (người nghe).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Người nói rà soát đề cương bài nói, phương tiện hỗ trợ để thực hiện bài nói.  - Người nghe xem kĩ phiếu ghi chép và phiếu đánh giá sản phẩm nói.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm 1, 3 trình bày bài nói.  - Các HS khác quan sát, lắng nghe, điền thông tin vào Phiếu ghi chép của người nghe.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét sản phẩm HS.  **3. Nhiệm vụ 3. Trao đổi, đánh giá sau khi nói**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV mời đại diện nhóm 2, 4 nhận xét, phản biện và đánh giá sản phẩm bài nói của nhóm 1, 3.  **Bước 2+3. Thực hiện nhiệm vụ + Báo cáo**  - Đại diện các nhóm/cá nhân trao đổi, đánh giá.  - Các HS đánh giá sản phẩm nói của các HS trình bày theo rubrics đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, đánh giá và cho điểm **nhóm 1, 3** các nhóm theo rubric.  - HS về nhà hoàn thiện Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe của bản thân. | **1. Thực hành nói**  **Bài tập: Hãy trình bày ý kiến về một một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên).**  **Báo cáo sản phẩm bài nói:**  CUỘC THI: “NHÀ HÙNG BIỆN VÌ MÔI TRƯỜNG”  **a. Người nói**  - Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) theo dàn ý.  - Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt...  **b. Người nghe**  **-** Lắng nghe, ghi chép theo Phiếu ghi chép.  - Tôn trọng người trình bày.  **2. Sau khi nói (Trao đổi, đánh giá)**  **a. Người nói**  - Giải thích lí do lựa chọn sự việc để trình bày ý kiến, phân tích thêm để thấy tính hợp lí của sự lựa chọn đó.  - Lắng nghe để nắm bắt ý kiến trao đổi của người nghe về các khía cạnh cụ thể của sự việc.  - Tiếp thu hoặc trao đổi lại những nhận xét, đánh giá của người nghe.  **b. Người nghe**  - Đánh giá về sự việc được người nói đề cập (chú ý mức độ phù hợp của đề tài so với yêu cầu đặt ra trong bài).  - Thể hiện sự tán thành hoặc không tán thành với những ý kiến của người nói về các khía cạnh cụ thể của sự việc.  - Nhận xét về nội dung trình bày và cách trình bày của người nói.  **c. Đánh giá**  - Phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí.  - Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe. |

PHIẾU GHI CHÉP CỦA NGƯỜI NGHE

**Tên người nói**:.....................................................

**Tên người nghe:**.....................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề cần theo dõi** | **Ghi chép của người nghe về bài nói** | **Quan điểm cá nhân (**đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ) |
| Đề tài bài nói (sự việc có tính thời sự) |  |  |
| Bản chất của sự việc |  |  |
| Ảnh hưởng của sự việc |  |  |
| Ý kiến trái chiều và lí lẽ bác bỏ |  |  |
| Giải pháp cho sự việc |  |  |
| Nhận xét phần trình bày của người nói. |  |  |
| Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi?  ..............................................................................................................  .............................................................................................................. | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ  Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) | | | |
| **Người nói**:…………………………………..  **Người nhận xét:**………………………………………. | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| 1. Nội dung bài nói đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục  **(5 điểm)** | Nôi dung sơ sài, chưa nêu rõ được các khía cạnh của sự việc.  (1 – 2 điểm) | Đã nêu được một các khía cạnh của sự việc; có nêu được đánh giá của bản thân nhưng chưa sâu sắc.(3 – 4 điểm) | Nội dung đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục; có những đánh giá sâu sắc về sự việc. (5 điểm) |
| 2. Phong thái tự tin  **(2 điểm)** | Còn rụt rè, chưa tương tác với người nghe.  (0.5 điểm) | Đã mạnh dạn trình bày nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên; thiếu tương tác với người nghe.(1 điểm) | Tự tin khi trình bày; tương tác tốt với người nghe.  (2 điểm) |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm  **(1 điểm)** | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. (0 điểm) | Nói to, nhưng đôi chỗ còn lặp lại hoặc ngập ngừng.  (0.5 điểm) | Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. (1 điểm) |
| 4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp (*tranh ảnh, video,...)***(1 điểm)** | Không sử dụng các phương tiện hỗ trợ.  (0 điểm) | Đã sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ, minh họa nhưng chưa hiệu quả.(0.5 điểm) | Sử dụng các phương tiện hỗ trợ, minh họa có hiệu quả cao.  (1 điểm) |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí  **(1 điểm)** | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.(0 điểm) | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói nhưng chưa ấn tượng.(0.5 điểm) | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng.  (1 điểm) |
| Điểm |  |  |  |
| TỔNG ĐIỂM |  | | |

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

**Người tự đánh giá:………………….**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | |
| **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE** | |  |  |
| 1 | Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói |  |  |
| 2 | Tích cực ghi chép |  |  |
| 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa |  |  |
| 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói |  |  |
| 5 | **ĐÁNH GIÁ CHUNG**  - Điều bản thân đã làm tốt trong kĩ năng nghe  ..........................................................................................................................  - Điều bản thân muốn khắc phục trong kĩ năng nghe  ............................................................................... | | |

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu**: HS biết kết nối với cuộc sống; biết bộc lộ quan điểm của bản thân.

**b.** **Nội dung thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Nhiệm vụ 1: Chia sẻ thông điệp**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đàm thoại với học sinh, trả lời các câu hỏi:  *Thông qua việc tìm hiểu và tham gia hoạt động trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự trong tiết nói nghe hôm nay, em rút ra cho bản thân những thông điệp ý nghĩa nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi 1 – 2 HS trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận xét**  GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức. | HS có thể rút ra cho bản thân những thông điệp ý nghĩa sau::  - Cần trân trọng thế giới tự nhiên quanh ta.  - Cần có những hành động cụ thể, thiết thực để bảo vệ tự nhiên, đó là cách để bảo vệ cuộc sống lâu dài của con người.  - Cần lên án những hành vi phá hủy, làm tổn hại đến tự nhiên.  ... |
| **\*Nhiệm vụ 2: Sáng tạo video trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**.  - **Nhóm 2, 4** hoàn thành 01 video trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự. Video đảm bảo yêu cầu sau:  + Có tên trường, tên lớp, tên nhóm, đề tài trình bày, tên các thành viên.  + Nhóm thống nhất đề tài trong nhóm (về 01 sự việc cụ thể có tính thời sự), thống nhất dàn ý bài nói, cử 01 đại diện trình bày video và cả nhóm cùng quay lại; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm phong phú cho video.  - Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.  + Thời gian: 01 tuần sau tiết học.  + Sản phẩm: 01 video trình bày ý kiến, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.  + Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.  - GV cung cấp Rubrics đánh giá sản phẩm video của nhóm 2, 4.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS nhóm 2, 4 thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Nộp sản phẩm trên Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.  HS nhóm 1, 3 xem video, nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Kết luận, nhận xét**  GV đánh giá và cho điểm sản phẩm nhóm 2, 4. | HS hoàn thành sản phẩm nhóm tại nhà. |

**RUBRICS ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Video trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự  **(10 điểm)** | - Nôi dung video sơ sài, chưa nêu rõ được các khía cạnh của sự việc.  - Hình thức video chưa đẹp mắt  (5 – 6 điểm) | - Nội dung video đã nêu được một các khía cạnh của sự việc; có nêu được đánh giá của bản thân nhưng chưa sâu sắc.  - Hình thức sinh động nhưng chưa thực sự gây ấn tượng.  (7 – 8 điểm) | - Nội dung video đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục; có những đánh giá sâu sắc về sự việc.  - Hình thức lôi cuốn, hấp dẫn.  (9 - 10 điểm) |

**Bài nói tham khảo:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mở đầu: Chào hỏi, giới thiệu vấn đề sẽ trình bày:**  Xin chào Cô và các bạn. Em tên là......................, học lớp......., trường.................  Em mới cô và các bạn cùng quan sát những hình ảnh sau:   |  |  | | --- | --- | | adsdasdsad | bbe49cdd6b42911cc853-230216_509 |   *(Giọng đối thoại):* Các bạn có cảm xúc gì khi xem những hình ảnh trên? Chắc hẳn khi chứng kiến những hình ảnh trên, mỗi chúng ta đều không khỏi cảm thấy xót xa khi những cánh rừng của chúng ta dần mất đi màu xanh bởi bàn tay độc ác của chính con người. *(Giọng vừa phải):* Rừng được ví như lá phổi xanh của con người. Tuy nhiên, có không ít kẻ vì lợi nhuận cá nhân mà phá đi những cánh rừng đầu nguồn, gây ra những hậu quả nghiêm trọng không chỉ cho tự nhiên mà còn tác động lớn đến cuộc sống con người. Nạn phá rừng đã diễn ra từ rất lâu, mức độ của tình trạng này ngày càng tăng cao trong cuộc sống hiện tại.  **Triển khai:** **Triển khai nội dung chính**  *(Nói to, rõ ràng, thay đổi ngữ điệu khi cần)*  ***\*Nêu bản chất của sự việc:***  - Rừng phòng hộ đầu nguồn là rừng thuộc lưu vực của sông, hồ đảm bảo các tiêu chí được quy định rõ bởi pháp luật của nhà nước. Đây là nơi khởi nguồn cho cánh rừng của một khu vực nào đó, nơi đó vị trí đất cao, khi mưa nước sẽ chảy thành dòng xuống vùng rừng thấp,xuống đồng bằng sông ngòi rồi mới chảy ra biển lớn.  - Rừng đầu nguồn có vai trò quan trọng trong việc điều hòa nguồn nước, là lá chắn ngăn chặn lũ quét, lũ ống…  - Phá rừng phòng hộ đầu nguồn là hoạt động chặt cây vĩnh viễn để nhằm lấy gỗ hoặc lấy đất sử dụng cho mục đích khác. Thực trạng phá rừng đầu nguồn đã diễn ra từ lâu và ngày càng phức tạp. Theo như thống kê gần đây cho biết độ che phủ rừng chỉ còn nằm trong con số là chưa đầy 40%. Diện tích mặt hệ sinh thái rừng nguyên sinh còn khoảng 10%. Một số điểm nóng chặt phá rừng đầu nguồn ở nước ta hiện nay như ở Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hòa Bình, Nghệ An, Quảng Trị,...  **\*Trình bày hậu quả của việc phá rừng phòng hộ:**  Rừng phòng hộ phát huy hiệu quả trong việc chắn gió, cản sức nước và góp phần làm suy yếu sức mạnh của gió tại các vùng mà bão đi qua. Mặt khác, rễ của cây cũng sẽ góp phần hút nước lũ.  Việc chặt phá rừng phòng hộ gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng, có thể kể đế như sau:  - Làm gián đoạn chu kỳ nước, gây xói mòn đất, có thể dẫn đến sa mạc hóa và mất môi trường sống cho các loài; từ đó dẫn đến mất đa dạng sinh học, có thể dẫn đến sự tuyệt chủng của nhiều loài động thực vật và mất vẻ đẹp tự nhiên.  - Làm gia tăng tình trạng biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính, làm trái đất ấm dần lên, hạn hán, nước biển dâng cao, ô nhiễm môi sinh, đói kém…. Thời tiết cực đoan, mưa lớn, mưa kéo dài là nguyên nhân kích hoạt lũ quét và sạt lở đất, cuốn theo cây cối, đất đá, thậm chí tính mạng, tài sản của con người. Mưa bão lũ xảy ra ở nước ta ngày càng tăng; trở thành mối đe dọa nguy hại đến cuộc sống con người và nền kinh tế đất nước.  - Gây ra sự suy giảm thảm thực vật ở lưu vực; khả năng cản trở dòng chảy khi mưa lũ giảm, khiến tốc độ di chuyển của mưa lũ nhanh hơn, nghiêm trọng và khốc liệt hơn.  **\* Ý kiến trái chiều:** Nhiều người cho rằng việc bảo vệ rừng phòng hộ là trách nhiệm của các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, việc nhận thức như vậy là chưa đúng, bởi hâu quả của nạn phá rừng đầu nguồn không phải chỉ một vài cá nhân phải gánh chịu mà tất thảy mọi người. Do đó, vì sự bền vững của cuộc sống, tất cả chúng ta đều cần phải ý thức được trách nhiệm của cá nhân trong việc bảo vệ rừng đầu nguồn.  **\*Giải pháp cho sự việc:** Vậy cần làm gì để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng phòng hộ?  - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân về việc bảo vệ rừng phòng hộ và rừng nói chung. Người dân cần báo tin, tố giác tội phạm với cơ quan chức năng khi phát hiện các vụ việc, hoặc nghi có hành vi phá rừng nhằm ngăn chặn kịp thời.  Đây là việc làm có ý nghĩa vô cùng quan trọng với cuộc sống con người.  - Xử lí nghiệm những hành vi chặt phá rừng, tiếp tay cho việc chặt phá rừng.  - Tuyên truyền mọi người trồng rừng thay thế; có những dự án “trồng cây gây rừng”.  - Xây dựng những khu bảo tồn  **Kết thúc bài nói**:  *(Giọng lắng lại, tha thiết)* Các bạn thân mến! Rừng chính là tấm lá chắn, là người vệ sĩ bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Do đó, bảo vệ rừng là việc cần làm và là trách nhiệm chung của chúng ta. Hãy cùng chung tay để bảo vệ màu xanh của những cánh rừng phòng hộ nhé! |

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC Ở NHÀ

**1. GV hướng dẫn HS phần Củng cố, mở rộng bài học 1.**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng được các *Tri thức ngữ văn* và kết quả của phần *Đọc* để hoàn thành bài tập bảng thống kê so sánh thể loại đã học; củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các cột trong bảng và các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm, phần tự tìm hiểu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1.1. Bài tập 1 (SGK/ Tr 34):** HS kẻ bảng vào vở theo mẫu (SGK, trang 34) để củng cố kiến thức vể đặc điểm các văn bản đọc của bài học 1.

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **VB *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)** | **VB *Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)** |
| **Cốt truyện** | HS xem lại phần Tóm tắt VB | HS xem lại phần Tóm tắt VB |
| **Nhân vật** | - Nhân vật chính: Vũ Nương  - Các nhân vật khác: Trương Sinh, mẹ chồng, đứa con trai, Phan Lang, Linh Phi. | - Nhân vật chính: Thành  - Các nhân vật khác: vợ và con trai Thành; bà đồng; gã thiếu niên; vua; quan Tri huyện; quan Tuần phủ |
| **Không gian** | Làng Nam Xương, dưới thủy cung | Trong cung, dân gian |
| **Thời gian** | Cuối thời Trần (nửa sau thế kỉ XIV) đến nhà Hồ. | Đời Tuyên Đức nhà Minh. |
| **Yếu tố kì ảo** | * Vũ Nương nhảy xuống sông và được Linh Phi dưới thủy cung cứu sống. * Phan Lang cứu Linh Phi và được Linh Phi báo đáp.   - Phan Lang gặp lại Vũ Nương ở động rùa.  - Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa mờ mờ ảo ảo gặp lại Trương Sinh. | - Bà đồng gù lưng chỉ cho Thành chỗ có con dế.  - Con trai Thành chết sống dậy, nhập vào con dế. |
| **Chủ đề** | Thân phận của người phụ nữ thời phong kiến. | Số phận người dân thời phong kiến dưới sự áp bức của giai cấp cầm quyền. |

**1.2. Bài tập 2 (Tr 35/ SGK):** Nêu vai trò của yếu tố kì ảo, chỉ ra mối quan hệ giữa thế giới kì ảo và thế giới hiện thực trong các văn bản đã đọc ở bài 1.

**Gợi ý**

\*Vai trò của yếu tố kì ảo:

+ Trong tác phẩm truyện truyền kì, yếu tố kì ảo đóng vai trò làm phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống hiện thực.

+ Qua yếu tố kì ảo, người đọc có thể nhận thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như quan niệm và thái độ của tác giả.

\* Tìm hiểu mối quan hệ giữa thế giới kì ảo và thế giới hiện thực trong các văn bản đã đọc ở bài 1:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tác phẩm** | **Yếu tố kì ảo** | **Vai trò của yếu tố kì ảo - Mối quan hệ giữa thế giới kì ảo với thế giới thực** |
| ***Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)** | **Các yếu tố kì ảo trong truyện:**  + Phan Lang nằm mộng 🡪 thả rùa. + Phan lang lạc vào động rùa của Linh Phi được đãi yến, gặp Vũ Nương - được Linh phi rẽ rước đưa về dương thế. + Vũ Nương đưa trâm cho Phan Lang mang về cho Trương Sinh. + Hình ảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang | - **Tác dụng của yếu tố kì ảo:**  + Làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn, tạo màu sắc truyền kì cho câu chuyện, tạo không khí cổ tích dân gian, thiêng liêng hóa sự trở về của Vũ Nương. + Hai yếu tố hiện thực và kì ảo đan xen làm cho thế giới kì ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy. |
| ***Dế chọi* (Bồ Tùng Linh)** | **- Các yếu tố kì ảo trong truyện:**  + Chi tiết bà đồng bói toán chỉ dẫn vợ chồng Thành nơi có thể bắt con dế.  + Sự việc sau khi làm chết con dế quý của cha, đứa con trai chín tuổi của Thành đã chết đuối dưới giếng, nhưng lại sống lại, thần thái ngây ngốc; hồn hóa thân thành con dế giúp cha thoát nạn; hơn một năm sau bình phục. | - **Vai trò của các yếu tố kì ảo:**  + Làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn, tạo màu sắc truyền kì cho câu chuyện.  + Các yếu tố kì ảo làm phát triển mạch truyện, đẩy câu truyện trở nên cao trào và tập trung tháo gỡ bế tắc của nhân vật.  + Góp phần phản ánh hiện thực trong tác phẩm cũng như thái độ của tác giả: phê phán hiện thực xã hội đương thời với bao bất công; vì chiều theo thú vui của giai cấp thống trị mà gây ra bao sóng gió cho người dân hiền lành lương thiện. |
| *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp) | **Các yếu tố kì ảo trong bài thơ:**  + Ngoại hình khác thường của Sơn Tinh (có 3 mắt, một mắt giữa trán);  + Phương tiện di chuyển: Sơn Tinh phi bạch hổ trên cạn; Thủy Tinh cưỡi lưng rồng.  + Miêu tả phép thuật của Sơn Tinh – Thủy Tinh trong màn so tài ở phần I: Thủy Tinh hô mưa gọi gió; Sơn Tinh có phép tạo núi đồi chặn dòng nước,...  + Miêu tả cuộc giao tranh giữa hai vị thần ở phần III với sự tham gia của muôn loài trên cạn, dưới nước. | **Vai trò của các yếu tố kì ảo:**   * Tô đậm vẻ ngoài khác thường, tài năng hơn người của các vị thần Sơn Tinh, Thủy Tinh. * Miêu tả cuộc giao tranh cam go, ác liệt giữa hai vị thần; không chỉ hướng đến lí giải nguyên nhân của hiện tượng lũ lụt hàng năm (như cốt truyện dân gian) mà còn muốn phản ánh hâụ quả của lòng ghen tuông, ích kỉ trong tình yêu. |

**1.3. Bài tập 3 (Tr 35/ SGK):** Qua hai truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* và *Dế Chọi,* hãy rút ra những đặc điểm cơ bản của thể loại truyện truyền kì.

**Gợi ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm cơ bản của truyện truyền kì** | |
| **Cốt truyện** | - Mô phỏng cốt truyện dân gian hoặc dã sử; mượn từ truyện truyền kì Trung Quốc.  - Được tổ chức chủ yếu dựa trên chuỗi sự kiện sắp xếp theo trật tự tuyến tính, có quan hệ nhân quả. |
| **Nhân vật** | - Thế giới nhân vật đa dạng, nổi bật nhất là ba nhóm: thần tiên, người trần, yêu quái.  - Đặc điểm nhân vật: thường có những nét kì lạ về nguồn gốc ra đời, ngoại hình hay năng lực siêu nhân. |
| **Không gian và thời gian** | - Không gian: pha trộn cõi trần, cõi âm, cõi tiên tồn tại liên thông với nhau.  - Thời gian: kết hợp thời gian thực và thời gian kì ảo. |
| **Yếu tố kì ảo** | - Sử dụng các yếu tố kì ảo làm phương thức để phản ánh cuộc sống hiện thực.  - Qua yếu tố kì ảo, người đọc có thể nhận thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như quan niệm và thái độ của tác giả. |
| **Ngôn ngữ** | Sử dụng nhiều điển cố, điển tích. |

**1.4. Bài tập 4 (Tr 35/ SGK):** Tìm đọc thêm 3 – 4 truyện truyền kì hoặc truyện hiện đại có yếu tố kì ảo, ghi chép các thông tin cơ bản về cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, đặc điểm yếu tố kì ảo, chủ đề và nêu nhận xét về nội dung, nghệ thuật của từng truyện.

**Gợi ý**

- Một số truyện hiện đại có yếu tố kì ảo: *Những ngọn gió Hua Tát* (Nguyễn Huy Thiệp); *Bức tranh thiếu nữ áo lục* (Quê Hương); *Thương nhớ đồng quê* (Nguyễn Huy Thiệp), …

- Một số truyện truyền kì: *Thánh Tông di thảo; Thiên Nam vân lục liệt truyện* (Nguyễn Hãng); *Ngọc Thanh u minh thần lục*; *Nam Ông mộng lục* (Hồ Nguyên Trừng), *Truyền kì tân phả* (Đoàn Thị Điểm),…

=> GV yêu cầu HS về nhà đọc và ghi nhật kí đọc sách theo mẫu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU GHI CHÉP ĐỌC SÁCH  Tên tác phẩm:......................................  Thể loại:............................................... | |
| Cốt truyện | ................................................................................. |
| Nhân vật | ................................................................................. |
| Không gian | ................................................................................. |
| Thời gian | ................................................................................. |
| Đặc điểm yếu tố kì ảo | ................................................................................. |
| Chủ đề | ................................................................................. |
| Nhận xét về nội dung và nghệ thuật: .................................................................................  ............................................................................................................................................ | |

**2. Hướng dẫn HS thực hành đọc: Văn bản *Ngọc nữ về tay chân chủ* (Ngọc nữ quy chân chủ – Khuyết danh)**

**a. Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền kì ở nhà.

**b.** **Nội dung**: GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trong SHS.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 01:**  **Tìm hiểu những đặc điểm thể loại văn bản *Ngọc nữ về tay chân chủ*** | |
| a. Cốt truyện |  |
| b. Nhân vật |  |
| c. Không gian |  |
| d. Thời gian |  |
| e. Lời người kể chuyện |  |
| f. Lời nhân vật |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập 02:**  **Tìm hiểu những tình huống truyện và yếu tố kì ảo trong văn bản *Ngọc nữ về tay chân chủ*** | | |
| **Tình huống** | **Yếu tố kì ảo** | **Ý nghĩa của tình huống** |
| Tình huống 1  .......... |  |  |
| Tình huống 2  .......... |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm** |
| **GV hướng dẫn HS đọc và khám phá chung VB**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: Chú ý phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | III. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG VĂN BẢN  **1. Đọc văn bản**  - Đọc  - Tìm hiểu các chú thích  **2. Tác giả:** Khuyết danh  **3. Xuất xứ:** Trích trong tập *Thánh Tông di thảo* – tập sách được viết bằng chữ Hán, gồm 19 tác phẩm.  **4. Thể loại:** Truyện truyền kì |
| **Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm thể loại truyện truyền kì của văn bản**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Để tìm hiểu đặc điểm thể loại truyền kì của VB, GV yêu cầu HS hoàn thành tự hoàn thành **Phiếu học tập số 01** và **Phiếu học tập số 02.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | II. TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI TRUYỆN TRUYỀN KÌ CỦA VB  **1. Đặc điểm của cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, lời người kể chuyện, lời nhân vật**   |  |  | | --- | --- | | **a. Cốt truyện** | Cốt truyện xoay quanh việc Ngọc Hoàng kén rể cho con gái.  Các sự kiện chính:  - Ngọc Hoàng tổ chức kén rể cho con gái duy nhất là Ngọc Tỷ.  - Có hai vị thần đến ứng tuyển là Sơn thần và Thủy thần. Cả hai biểu diễn phép thuật hơn người khiến Ngọc Hoàng vui lòng.  - Khi Ngọc Hoàng chưa biết chọn ai trong hai thần thì có một người thường đến. Tuy không có phép thuật nhưng tâu trình với lời lẽ vô cùng cứng cỏi, hợp ý Ngọc Hoàng, khiến cho hai thần kia phải xấu hổ mà bỏ về. | | **b. Nhân vật** | - Ngọc Hoàng: Người kén rể cho con gái Ngọc Tỷ  - Sơn thần – Thủy thần: Đều có phép thuật cao cường  - Người giấu tên: là người thường, nhưng trí tuệ hơn người, được Ngọc Hoàng chọn làm con rể. | | **c. Không gian** | Cả ba cõi: Cõi trời/ cõi tiên (nơi Ngọc Hoàng kén rể) – cõi đất (nơi Sơn thần ở) – cõi nước (nơi Thủy thần ở) | | **d. Thời gian** | - Thời gian thực  - Thời gian kì ảo nơi cõi tiên – mọi thứ ngưng đọng khi Sơn thần, Thủy thần làm phép. | | **e. Lời người kể chuyện** | - Người kể chuyện ngôi thứ 3 với điểm nhìn toàn tri.  - Lời người kể chuyện miêu tả khung cảnh kén rể của Ngọc Hoàng, trần thuật lại các sự việc. | | **f. Lời nhân vật** | - Lời của Sơn thần: “*Núi là cao, hơn hết mọi nơi. Phượng lâu trúng tuyển, không ta thì ai...tôn quý biết nhường nào!”*  *-* Lời của Thủy thần: *“Nước chảy chỗ trũng, việc thường xưa nay. Bình phong bắn sẻ không ta thì còn ai...hiển vinh biết nhường nào!”*  => Lời nói của Sơn thần và Thủy thần cho thấy hai thần này đều cậy tài, tự phụ, hám danh hão, tự cho mình là nhất trong các cõi.  - Lời của người giấu tên: “*Bệ hạ nhầm rồi. Quỷ thần ở núi sông [...] khác nhau biết là chừng nào?*” => Tuy là người phàm trần nhưng lời nói thấu hiểu đạo lí ở khắp cõi, đó là đạo công hầu. |   **2. Những tình huống truyện và yếu tố kì ảo**  **a. Tình huống 1: Sơn thần và Thủy thần cùng đến cầu hoàng và thử tài**  **- Xuất thân của hai thần:**  Sơn thần – cai quản muôn thú trên cạn  Thủy thần – cai quản các loài thủy tộc dưới nước   * **Phép thuật của hai thần** được thể hiện qua các chi tiết đậm chất hoang đường:   + Sơn thần: *xua tay lên quãng không, chỉ vào cung tuyết lập tức biến thành gò núi... không dám trông*; *Sơn Thần lại cất tay xua một cái: cung khuyết lại y nguyên như cũ.*  + Thủy thần: *thè lưỡi như phù bỗng vạn ngõ vàn cửa biến thành biển...biến huyễn thành muôn hình trạng; Thủy thần lại thè lưỡi thư phù; cửa ngõ lại y nguyên như cũ.*  **=>** Các chi tiết hoang đường, kì ảo tô đậm tài năng phép thuật của hai vị thần, tạo nên sự biến hóa bất ngờ, gây hấp dẫn cho truyện.  **b. Tình huống 2: Người giấu tên đến ứng tuyển phượng lâu**  - **Xuất thân**: người giấu tên đến ứng tuyển chỉ là người phàm trần, không phải thần tiên.  - **Dáng vẻ**: dáng rồng bước hổ, mắt Thuấn mày Nghiêu, có vẻ tĩnh trọng như núi, có lượng bao hàm như biển, đứng sừng sững ở trước sân.  - **Thái độ:** vô cùng điềm tĩnh trước lời quát của thị vệ và lời chê trách ban đầu của Ngọc Hoàng cho rằng người giấu tên là con người bất trí (thiếu suy nghĩ) khi dám đến tranh ứng tuyển.  - **Lời nói:** Lời lẽ cứng cỏi, tỏ sự hiểu biết, thông tuệ mọi đạo lí trong trời đất, trong đó có đạo công hầu (đạo bề tôi). Dùng lời lẽ sắc sảo để khiến những kẻ cậy tài khoe khoang phải xấu hổ, giúp Ngọc Hoàng nhận ra cách đánh giá có phần sai lầm của mình.  - Người giấu tên trở thành “giai tế” (rể tốt) của Ngọc Hoàng là bởi trí tuệ hơn người, biết người biết ta, coi trọng đạo công hầu. |
| **Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết**  Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ  HS tự rút ra ngắn gọn những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Ngọc nữ về tay chân chủ.*  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  Bước 3: Báo cáo, thảo luận  Bước 4: Đánh giá, kết luận | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng cốt truyện hấp dẫn, bất ngờ với những tình huống truyện li kì, các chi tiết đậm chất hoang đường.  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: Miêu tả qua lời người kể chuyện và qua lời nói của nhân vật.  - Sử dụng sáng tạo các yếu tố kì ảo, hoang đường.  **2. Chủ đề**  Tôn vinh vẻ đẹp của trí tuệ, ngợi ca đạo bề tôi; phê phán thói huênh hoang, cậy tài. |

RÚT KINH NGHIỆM

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

**Ngày tháng năm 2024**

**BGH ký**